

PHỤ LỤC IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**TỔNG CÔNG TY TM XNK
THANH LỄ - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:18/BC-TL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700146458
- Vốn điều lệ: 2.366.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 63 Đường Yersin, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (0274) 3829534 - 3829535
- Số fax: (0274) 3824112 - 3829533
- Website: <http://thalexim.vn/>
- Mã cổ phiếu: TLP

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/08/2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03/12/2025.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP là doanh nghiệp đã được Bộ Công thương cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu xăng dầu, mua bán nguyên liệu, nhiên liệu xăng dầu, có mạng lưới bán buôn, bán lẻ xăng dầu.



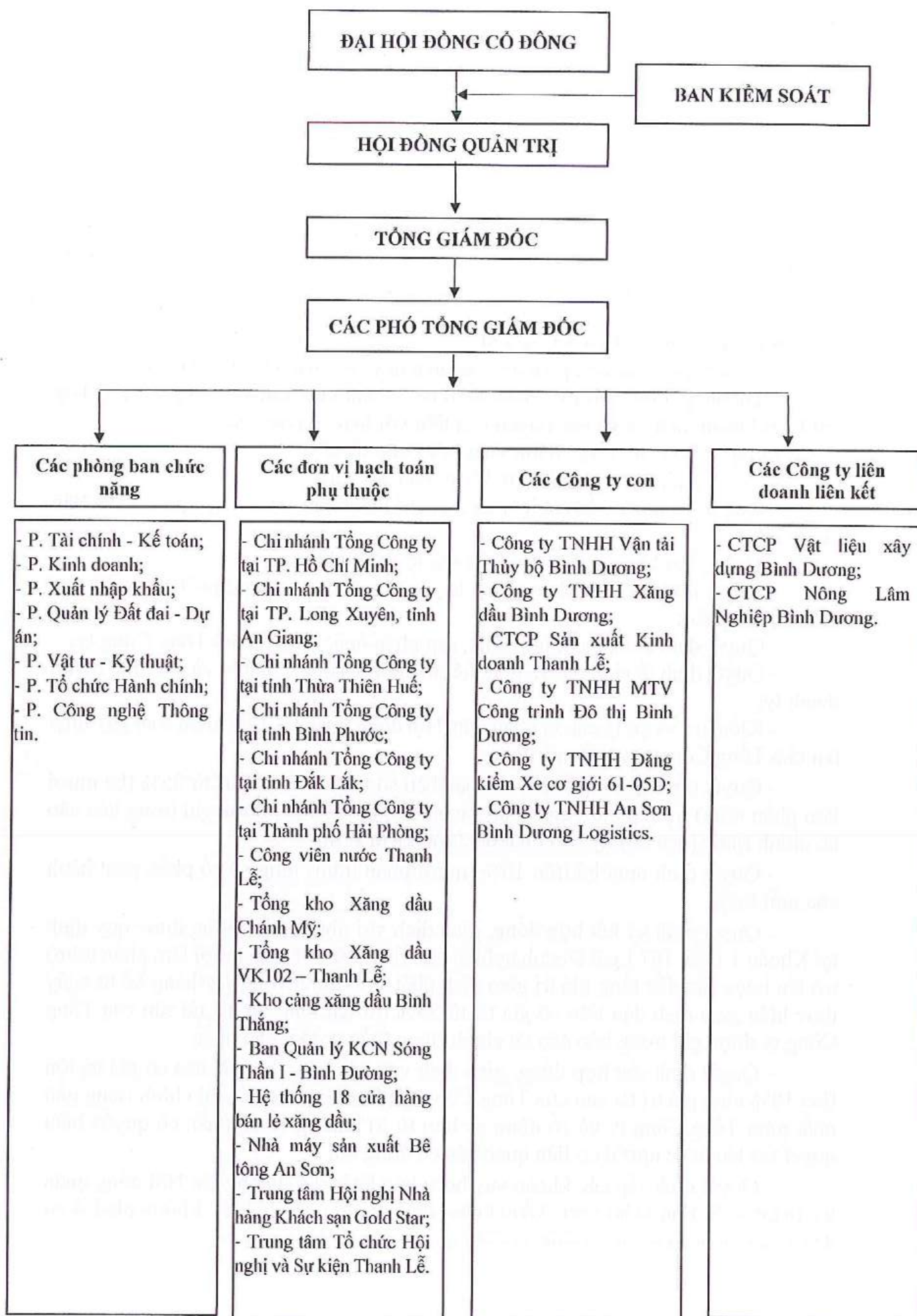
- Các ngành nghề khác: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, ...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, ...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP thực hiện việc tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP dưới sự định hướng, quản trị, điều hành và giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng), trong đó:

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; báo cáo của Hội đồng quản trị và báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty;
- Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông;
- Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- Quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính riêng (nếu có) kỳ gần nhất;
- Quyết định các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính riêng gần nhất giữa Tổng Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- Quyết định cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật về Điều lệ Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty ngoại trừ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty là 05 (năm) thành viên, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên không quá 05 (năm) năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát: Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với vai trò thay mặt các cổ đông thực hiện giám sát, đánh giá Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng Công ty Thanh Lễ theo quy định của Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đề ra trong Điều lệ của Tổng Công ty và quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc:

- **Tổng Giám đốc:** Là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Thanh Lễ, thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các với nhiệm vụ được giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan.

Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc: Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty. Bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc bao gồm:

- Các Phó Tổng Giám đốc: Năm 2025, thực hiện chiến lược kiện toàn bộ máy điều hành và nâng cao năng lực quản trị nhằm phục vụ cho các mục tiêu phát triển của Tổng Công ty Thanh Lễ trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm thêm 03 Phó Tổng Giám đốc. Như vậy, Tổng Công ty có 05 Phó Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc. Các Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng và quyền hạn của mình trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật.

- Kế toán trưởng: Trực tiếp tổ chức thực hiện công tác kế toán - tài chính của Tổng Công ty Thanh Lễ. Kế toán trưởng có nhiệm vụ đảm bảo mọi hoạt động tài chính, kế toán và việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

- Các phòng chức năng: Tổng Công ty Thanh Lễ có 07 phòng ban chuyên môn được phân công nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong công tác tổ chức, quản lý điều hành bao gồm: Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Kinh doanh; Phòng Xuất nhập khẩu; Phòng Quản lý Đất đai – Dự án; Phòng Vật tư – Kỹ thuật; Phòng Tổ chức

Hành chính và Phòng Công nghệ Thông tin.

3.3. Các Công ty con, các Công ty liên kết:

| STT | Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính | Vốn điều lệ của công ty con, công ty liên kết (đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty |
|-------------------------|---|-------------------------|---|--|-------------------------------|
| Công ty con | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM | Vận tải xăng dầu, kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng, kinh doanh xăng dầu. | 66.088.039.787 | 57,97% |
| 2 | Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM | Kinh doanh xăng dầu. | 30.000.000.000 | 80,00% |
| 3 | Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM | Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng. | 13.500.000.000 | 56,84% |
| 4 | Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM | Dịch vụ vệ sinh đô thị, trồng và chăm sóc cây xanh, duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị. | 26.000.000.000 | 100% |
| 5 | Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D | Tp. HCM | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác, bán buôn sản phẩm nhiên liệu. | 15.000.000.000 | 100% |
| 6 | Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | P. Thuận An, Tp. HCM | Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa. | 800.000.000.000 | 60,00% |
| Công ty liên kết | | | | | |
| 1 | Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | Tp. HCM | Cung cấp các loại giống cây trồng. | 106.883.630.000 | 35,02% |
| 2 | Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | Tp. HCM | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất vật liệu xây dựng. | 1.000.000.000.000 | 25% |

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty:

Đảm bảo an ninh năng lượng, xây dựng kế hoạch nhập khẩu, dự trữ và phân phối hợp lý và hiệu quả nhằm duy trì nguồn cung xăng dầu liên tục, ổn định cho hệ thống phân phối, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm, biến động mạnh của thị trường.

Tiếp tục mở rộng phát triển và củng cố mạng lưới phân phối bán buôn, bán lẻ, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng tại các cửa hàng xăng dầu để củng cố kênh bán lẻ trực tiếp.

Tăng cường năng lực quản trị rủi ro, triển khai các kế hoạch ứng phó hiệu quả với biến động của tình hình kinh tế. Đồng thời, áp dụng các công cụ quản trị phù hợp nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh.

Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung tối ưu hóa chi phí hoạt động và quản lý tồn kho, nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản nhằm cải thiện biên lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn.

Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, nâng cao tính minh bạch trong quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và công ty con thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ở mức cao nhất để gia tăng lợi nhuận góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Tổng Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Mở rộng quan hệ hợp tác với các nhà cung cấp trong và ngoài nước nhằm đa dạng hóa nguồn cung và tối ưu hóa chi phí đầu vào, giảm phụ thuộc vào một số nguồn nhất định.

Đầu tư nâng cấp hệ thống kho bãi, cảng nhập, tăng cường năng lực dự trữ và giảm chi phí logistics. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chuỗi cung ứng, kiểm soát tồn kho và bán hàng, xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung, hỗ trợ hiệu quả hoạt động điều hành kinh doanh.

Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác, tiếp tục phát huy và khai thác có hiệu quả sức mạnh tổng thể của hệ sinh thái ngoài xăng dầu.

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

Duy trì tăng trưởng ổn định, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời dài hạn. Nâng cao giá trị doanh nghiệp và lợi ích cho cổ đông thông qua quản trị minh bạch, hiệu quả. Tăng cường năng lực cạnh tranh, mở rộng thị phần và củng cố vị thế trên thị trường xăng dầu.

Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động kinh doanh. Thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm nhiên liệu thân thiện với môi trường, góp phần vào mục tiêu giảm phát thải chung của quốc gia.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, đội ngũ nhân sự có chuyên môn, kỹ thuật và năng lực thích ứng cao. Quan tâm đến thu nhập và phúc lợi của người lao động. Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng tại địa phương.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro tỷ giá: Đây là một trong những thách thức quan trọng đối với thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu. Xăng dầu nhập khẩu phải thanh toán bằng đồng USD, khi tỷ giá VND/USD biến động, chi phí nhập khẩu xăng dầu sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp. Ngoài ra, biến động tỷ giá cũng gây khó khăn trong quản lý dòng tiền và lập kế hoạch tài chính dài hạn.

Rủi ro thị trường: Doanh thu của kinh doanh xăng dầu phụ thuộc trực tiếp vào nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong nước. Nhu cầu này chịu ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế, diễn biến giá cả xăng dầu và các xu hướng chuyển đổi năng lượng. Khi tăng trưởng kinh tế chậm lại, các hoạt động sản xuất, vận tải và tiêu dùng đều giảm, kéo theo nhu cầu xăng dầu giảm. Bên cạnh đó, xu hướng phát triển xe điện càng làm giảm nhu cầu xăng dầu truyền thống. Tình trạng cầu giảm không chỉ ảnh hưởng đến doanh thu mà còn làm tăng chi phí lưu kho, chi phí vốn và áp lực dòng tiền cho doanh nghiệp.

Rủi ro lãi suất: Tuy các tổ chức tín dụng đã thực hiện duy trì ổn định mặt bằng lãi suất huy động, lãi suất cho vay, nhưng các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu vẫn gặp khó khăn khi không tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.2. Rủi ro về đặc thù ngành:

- Rủi ro biến động về giá xăng dầu và chuỗi cung ứng: Biến động giá xăng dầu trên thị trường quốc tế tác động trực tiếp đến giá cả các mặt hàng xăng dầu trong nước. Giá xăng dầu biến động liên tục, khó lường và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình hình địa chính trị, chính sách tiền tệ cũng như các yếu tố tài chính, tâm lý thị trường khác. Trong khi doanh nghiệp phải duy trì lượng tồn kho bắt buộc, dẫn đến gánh nặng tài chính khi giá giảm mạnh, trực tiếp làm suy giảm lợi nhuận và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, nguy cơ gián đoạn nguồn cung luôn hiện hữu do các yếu tố như thiên tai, xung đột địa chính trị hoặc chính sách hạn chế xuất khẩu từ các quốc gia cung cấp dầu, từ đó doanh nghiệp có thể rơi vào tình trạng thiếu hụt hàng hóa.

- Rủi ro về cơ chế điều hành của Nhà nước: Điều hành kinh doanh xăng dầu của Chính phủ trong những năm gần đây đã thể hiện sự minh bạch và tiếp cận thị trường, tuy nhiên vẫn còn những bất cập, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp như công thức và cơ chế tính giá; doanh nghiệp không chủ động trong quyết định giá bán lẻ xăng dầu; giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu căn cứ vào các yếu tố hình thành trong quá khứ với thời gian tương đối dài dẫn tới chưa sát với thực tế; quy định duy trì mức dự trữ tối thiểu 20 ngày cung ứng nên khi giá xăng dầu liên tục giảm sẽ dẫn đến biên lợi nhuận bị thu hẹp.

- Rủi ro cháy nổ, ô nhiễm môi trường: Kinh doanh xăng dầu là ngành nghề có rủi ro cao về cháy, nổ, ô nhiễm môi trường. Khi có sự cố xảy ra sẽ để lại hệ quả nặng nề đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường trong quá trình lưu giữ và vận chuyển xăng dầu.

5.3. Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, vẫn còn tồn tại một số rủi ro mang yếu tố khách quan như: ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai, động đất, dịch bệnh có quy mô lớn,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xuất hiện sẽ để lại hậu quả vô cùng

nghiêm trọng và có sức ảnh hưởng lớn đối với hoạt động kinh doanh.

Để phòng ngừa và hạn chế tất cả rủi ro trên, Tổng Công ty luôn tập trung theo dõi sát các chỉ số kinh tế vĩ mô và xu hướng tiêu dùng để dự báo nhu cầu và điều chỉnh chiến lược kinh doanh một cách linh hoạt.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kết quả kinh doanh công ty mẹ | Kết quả kinh doanh hợp nhất |
|-----|--|-------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh | 21.218.533.753.826 | 21.468.997.285.393 |
| 2 | Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác | 105.289.457.676 | 79.791.658.678 |
| 3 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 109.396.878.472 | 172.660.638.204 |
| 4 | Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành | 16.315.442.430 | 27.940.054.290 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 93.081.436.042 | 144.720.583.914 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ đạt được |
|----------------------|--------------------|--------------------|----------------|
| Tổng doanh thu | 20.010.845.000.000 | 21.548.788.944.071 | 107,69% |
| Lợi nhuận trước thuế | 129.582.000.000 | 172.660.638.204 | 133,24% |
| Lợi nhuận sau thuế | 110.699.000.000 | 144.720.583.914 | 130,73% |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán)

Trong năm 2025, thực hiện mua và nhập khẩu xăng dầu với tổng khối lượng là 1.374.738,205 m³ xăng dầu, đạt 106% so với tổng nguồn được Bộ Công Thương phân giao, tăng 11% so với tổng lượng mua và nhập khẩu năm 2024.

Duy trì ổn định hệ thống phân phối hiện có và mở rộng mạng lưới kinh doanh với 18 cửa hàng bán lẻ xăng dầu, 92 đại lý bán lẻ với 119 điểm bán, thiết lập quan hệ kinh doanh các thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối và khách hàng công nghiệp.

Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hải Phòng đi vào hoạt động từ năm 2024 đã nhanh chóng ổn định và từng bước phát huy vai trò chiến lược trong việc mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu và gia tăng thị phần tại các tỉnh, thành phía Bắc. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu của Chi nhánh đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh chung của Tổng Công ty, đồng thời tạo nền tảng thuận lợi cho việc tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh tại khu vực phía Bắc trong thời gian tới.

Các chỉ tiêu tài chính năm 2025 đều vượt kế hoạch đề ra, kết quả đạt được do thị trường phục hồi, tăng trưởng cùng với việc Tổng Công ty mở rộng hệ thống phân

phối, gia tăng sản lượng bán qua các kênh bán buôn và bán lẻ.

Doanh thu năm 2025 vượt kế hoạch 7,69%, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều tăng trên 30% so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, phản ánh hiệu quả trong công tác điều hành kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, thực hiện tốt công tác quản trị tài chính, tối ưu hóa nguồn hàng và quản trị tồn kho phù hợp với diễn biến thị trường, các chi phí được kiểm soát qua đó cải thiện biên lợi nhuận so với kế hoạch.

Theo yêu cầu tại Công văn số 6705/UBCK-GSDC ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà Nước, Tổng Công ty đã thực hiện hồi tố Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024. Nguyên nhân hồi tố: điều chỉnh hồi tố bổ sung khoản chi phí chưa phân bổ trong năm 2023, theo Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Tổng Công ty phân bổ khoản lợi thế thương mại 307,42 tỷ đồng trong 05 năm từ năm 2023 đến năm 2027, mỗi năm phân bổ 61,48 tỷ đồng.

Tuy nhiên, theo Thông tư số 83/2025/TT-BTC ngày 15/08/2025 về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025, Tổng Công ty thực hiện phân bổ lại trong 03 năm từ năm 2023 đến năm 2025, mỗi năm phân bổ 102,47 tỷ đồng.

Do ảnh hưởng bởi hồi tố Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024 nên lợi nhuận sau thuế cuối năm 2024 chuyển sang năm 2025 là âm 105,5 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận sau thuế cuối năm 2025 ghi nhận âm 12,4 tỷ đồng, do đó, sẽ không thể trích lập các quỹ và không thực hiện chia cổ tức năm 2025. Việc điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính là yêu cầu bắt buộc theo quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà Nước và của Bộ Tài chính, mang tính chất khách quan và nằm ngoài dự báo của Tổng Công ty.

Hoạt động kinh doanh bất động sản chủ yếu là cho thuê nhà xưởng, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, kho bãi, chuyển nhượng nhà đất từ khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ và các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác mang lại doanh thu ổn định.

Nhìn chung, kết quả thực hiện năm 2025 cho thấy hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty duy trì đà tăng trưởng tích cực, đây là cơ sở quan trọng để Tổng Công ty tiếp tục củng cố năng lực tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho các mục tiêu phát triển trong năm tiếp theo.

Công tác thu nộp NSNN: Tổng số nộp ngân sách Nhà nước năm 2025 là 3.490 tỷ đồng, là một trong 16 đơn vị có số nộp ngân sách từ 3.000 tỷ đồng trở lên được UBND TP HCM tặng bằng khen.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban Điều hành:

• Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: Đoàn Minh Quang
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1957
- Số CCCD: 074057006158

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: K6/B49A, Tổ 58, Khu phố 4, Phường Thủ Dầu Một, Tp. HCM.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đá Núi Nhỏ, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ, trong đó:

➢ Số lượng cổ phần sở hữu: 2.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009% vốn điều lệ.

➢ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 11.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0047% vốn điều lệ.

- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Phạm Thị Băng Trang

- Giới tính: Nữ

- Sinh năm: 1965

- Số CCCD: 070165006381

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 109/1, KP Thanh Lợi, Phường Thuận An, Tp. HCM.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.

- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ, trong đó:

➢ Số lượng cổ phần sở hữu: 3.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0014% vốn điều lệ.

➢ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Phạm Thị Kim Thành

- Giới tính: Nữ

- Sinh năm: 1974

- Số CCCD: 074174000492

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

370
TỔNG
THỦ
QUẢN
TRỊ
DẦU MỘT

- Địa chỉ thường trú: 186 Phạm Ngũ Lão, P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng

Giám đốc.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 85.183.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36,003% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 7.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 85.176.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 36%

vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Đặng Văn Đoàn
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1960
- Số CCCD: 074060005742

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 88/6 Ngô Quyền, P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.

- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015%

vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 3.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0015% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 12.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0051%

vốn điều lệ.

- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Bùi Kim Nga
- Giới tính: Nữ
- Sinh năm: 1972
- Số CCCD: 083172000582

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 29/70 Đoàn Thị Điểm, Khu phố 4, Phường Cầu Kiệu, Tp. HCM.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ.

- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.

- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 7.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 7.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc:**

- Họ và tên: Nguyễn Việt Trọng Nhân
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1976
- Số CCCD: 074076005620
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 61/2 kp Thạnh Lợi, P. Thuận An, Tp. HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 6.706.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,83% vốn điều lệ, trong đó:
- Số lượng cổ phần sở hữu: 6.706.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,83% vốn điều

lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Trần Tấn Tới
- Giới tính: Nam
- Sinh năm: 1981
- Số CCCD: 074081028888
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, Kp. An Thành, P. Tây Nam, Tp. HCM.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 5.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ, trong đó:

➤ Số lượng cổ phần sở hữu: 5.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ.

➤ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

• **Kế toán trưởng:**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao
- Giới tính: Nữ
- Sinh năm: 1984
- Số CCCD: 074184000425
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 289 Thích Quảng Đức, P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM.

0148
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
- Chức vụ hiện tại tại Tổng Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện tại đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ, trong đó:

- Số lượng cổ phần sở hữu: 5.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0025% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Khoản nợ với Tổng Công ty: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Tổng Công ty: Không có.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Thực hiện chiến lược kiện toàn bộ máy điều hành và nâng cao năng lực quản trị nhằm phục vụ cho các mục tiêu phát triển của Tổng Công ty Thanh Lễ trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm 03 Phó Tổng Giám đốc vào ngày 18/06/2025 gồm các ông (bà) sau:

- Bà Bùi Kim Nga
- Ông Nguyễn Việt Trọng Nhân
- Ông Trần Tấn Tới

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến ngày 13/04/2026, tổng số cán bộ, nhân viên: 482 người; trong đó nữ: 130 người, nam: 352 người.

- Trình độ đại học và trên đại học: 141 người;
- Trình độ cao đẳng: 15 người;
- Trình độ trung cấp, lao động phổ thông: 326 người.

Trong năm 2025, Tổng Công ty tuyển dụng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm nhân sự theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ liên quan khác.

Khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu hóa quy trình làm việc. Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ quản lý và người lao động tham gia các khóa đào tạo để cập nhật và nâng cao trình độ, góp phần cải thiện kết quả hoạt động dựa trên nền tảng phát triển công nghệ, tối ưu hóa quá trình làm việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện của các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo triển khai các hoạt động đầu tư tập trung vào việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống kinh doanh, nâng cao năng lực hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, phù hợp với định hướng phát triển và các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Công tác số hóa trong quản lý được triển khai hiệu quả đã giúp Tổng Công ty chủ động cập nhật, lưu trữ dữ liệu nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành. Việc ứng dụng công nghệ trong quản lý bán hàng giúp rút ngắn thời gian lập

và xuất hóa đơn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước. Qua đó, từng bước góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Trong năm qua, đã hoàn thành đầu tư cải tạo nâng cấp Cửa hàng xăng dầu số 9, Cửa hàng xăng dầu số 8 và Cửa hàng xăng dầu số 24.

- Thực hiện Thông tư 50/2025/TT-BCT ngày 07/11/2025 của Bộ Công thương quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, chính thức đưa xăng sinh học E10 vào sử dụng rộng rãi trên toàn quốc từ ngày 01/06/2026, Tổng Công ty Thanh Lễ đã tiến hành rà soát, đánh giá và hoàn thành việc chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động tiếp nhận, lưu trữ và pha chế xăng sinh học tại Tổng kho xăng dầu VK102 – Nhà Bè. Hệ thống bồn bể, đường ống công nghệ, thiết bị bơm chuyên và thiết bị đo lường được kiểm tra, nâng cấp; trạm pha chế được bố trí và sẵn sàng vận hành, bảo đảm khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và an toàn trong quá trình phối trộn Ethanol để sản xuất xăng sinh học đạt tiêu chuẩn chất lượng, đủ điều kiện triển khai pha chế và kinh doanh xăng sinh học theo đúng lộ trình quy định.

- Hoàn thành điều chỉnh Chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư và tái định cư An Sơn và ký quỹ thực hiện dự án; nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất với tổng diện tích 94.041,6 m².

- Tại dự án Cảng cạn An Sơn: Hoàn thành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 và nộp hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Sở Xây dựng đã tiếp nhận và đang lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 06 công ty con, tổng số vốn đầu tư vào các công ty con là 616.229.963.381 đồng; 02 công ty liên kết, tổng số vốn đầu tư vào công ty liên kết là 294.395.744.491 đồng. Các công ty này đang hoạt động bình thường và có hiệu quả.

❖ Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ:

- Địa chỉ: P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM.

- Vốn điều lệ: 13.500.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700785510

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 8.188.380.782 đồng, chiếm 56,84% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương:

- Địa chỉ: P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM.

- Vốn điều lệ: 66.088.039.787 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700817346

- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải xăng dầu.

- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 45.302.676.635 đồng, chiếm 57,97% vốn điều lệ.

❖ Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương:

- Địa chỉ: P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM.

- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700828316



- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 24.000.000.000 đồng, chiếm 80,00% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương:
 - Địa chỉ: P. Thủ Dầu Một, Tp. HCM.
 - Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700144108
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 43.738.905.964 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D:
 - Địa chỉ: Tp. HCM.
 - Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702525028
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 15.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistis:
 - Địa chỉ: P. Thuận An, Tp. HCM.
 - Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3702395178
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 480.000.000.000 đồng, chiếm 60,00% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương:
 - Địa chỉ: huyện. Phú Giáo, Tp. HCM.
 - Vốn điều lệ: 106.883.630.000 đồng.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3701815415
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp các loại giống cây trồng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 37.937.734.355 đồng, chiếm 35,02% vốn điều lệ.
- ❖ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương:
 - Địa điểm: P. Tân Đông Hiệp, Tp. HCM.
 - Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700148529
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP: 256.458.010.136 đồng, chiếm 25% vốn điều lệ.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2024 | % tăng/(giảm) |
|--|--------------------|--------------------|------------------|
| Kết quả kinh doanh theo BCTC hợp nhất | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 9.485.990.054.489 | 8.955.285.787.518 | 5,93% |
| Doanh thu thuần | 21.468.997.285.393 | 20.271.716.329.351 | 5,91% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 263.215.537.448 | 61.348.599.157 | 329,05% |
| Lợi nhuận khác | (90.554.899.244) | 11.449.219.345 | (890,93%) |
| Lợi nhuận trước thuế | 172.660.638.204 | 72.797.818.502 | 137,18% |
| Lợi nhuận sau thuế | 144.720.583.914 | 60.292.529.152 | 140,03% |
| Kết quả kinh doanh theo BCTC công ty mẹ | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 8.993.808.122.095 | 8.358.750.506.962 | 7,60% |
| Doanh thu thuần | 21.218.533.753.826 | 19.953.182.244.814 | 6,34% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 203.337.345.474 | 18.665.259.864 | 989,39% |
| Lợi nhuận khác | (93.940.467.002) | 4.851.910.880 | (2.036,15%) |
| Lợi nhuận trước thuế | 109.396.878.472 | 23.517.170.744 | 365,18% |
| Lợi nhuận sau thuế | 93.081.436.042 | 23.517.170.744 | 295,80% |

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2025, năm 2024 đã kiểm toán)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|--------|----------|----------|
| I. Dựa trên BCTC hợp nhất: | | | |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,06 | 1,03 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,65 | 0,57 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,70 | 0,69 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,36 | 2,27 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 7,66 | 6,95 |
| Vòng quay tổng tài sản | Lần | 2,33 | 2,25 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|--------|----------|----------|
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,67% | 0,30% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 5,13% | 2,20% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 1,53% | 0,67% |
| Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 1,23% | 0,30% |
| II. Dựa trên BCTC công ty mẹ: | | | |
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,05 | 1,03 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,64 | 0,55 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,73 | 0,72 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 2,77 | 2,57 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 7,64 | 6,90 |
| Vòng quay tổng tài sản | Lần | 2,45 | 2,37 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,44% | 0,12% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 3,90% | 1,01% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 1,03% | 0,28% |
| Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 0,96% | 0,09% |

(Nguồn: Tính toán theo BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2025, năm 2024 đã kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 236.600.000 cổ phần, tương đương tổng mệnh giá 2.366.000.000.000 đồng.

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 236.147.700 cổ phần.

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 432.200 cổ phần.

- Cổ phiếu quỹ: 20.100 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến thời điểm 26/03/2026, Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP có 01 cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty trở lên với danh sách cụ thể như sau:

| STT | Tên Cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phần sở hữu | % vốn điều lệ |
|------------------|----------------------|------------|-------------------|---------------|
| 1 | UBND Tỉnh Bình Dương | Bình Dương | 85.176.000 | 36,00% |
| Tổng cộng | | | 85.176.000 | 36,00% |

(Nguồn: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty tại thời điểm 26/03/2026:

| STT | Cổ đông | Số cổ đông | Số cổ phần | % vốn điều lệ |
|-------------------|----------------------------|------------|--------------------|---------------|
| 1 | Cổ đông trong nước: | 553 | 236.579.900 | 99,99% |
| | - Tổ chức | 4 | 88.696.700 | 37,49% |
| | - Cá nhân | 549 | 147.883.200 | 62,50% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài: | 0 | 0 | 0,00% |
| 3 | Cổ phiếu quỹ: | - | 20.100 | 0,01% |
| Tổng cộng: | | 553 | 236.600.000 | 100% |

(Nguồn: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 20.100 cổ phần.
- Trong năm 2025, không thực hiện các giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Xăng dầu là mặt hàng đặc thù, có vai trò chiến lược đối với nền kinh tế, gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống xã hội và nhiệm vụ bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Nhận thức rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đầu mối, Tổng Công ty chủ động xây dựng và triển khai công tác dự báo nhu cầu thị trường một cách hệ thống, qua đó bảo đảm nguồn cung ổn định, góp phần duy trì cân đối cung – cầu. Trong năm 2026, Tổng Công ty định hướng thực hiện hoàn thành tổng nguồn xăng dầu tối thiểu theo phân giao của Bộ Công Thương, trên cơ sở phù hợp với năng lực tài chính, hệ thống phân phối và điều kiện vận hành thực tế, hướng tới phát triển bền vững và hiệu quả dài hạn.

6.2. Tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước:

Tổng Công ty chú trọng tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng tại hệ thống cửa hàng bán lẻ, kho xăng dầu và các cơ sở hạ tầng thông qua việc đầu tư, lắp đặt hệ thống chiếu sáng đáp ứng đồng thời các tiêu chí an toàn, tiết kiệm năng lượng và thẩm mỹ. Việc quản lý và sử dụng năng lượng được thực hiện theo hướng nâng cao hiệu suất và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Đối với tài nguyên nước, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty không sử dụng nước như một yếu tố đầu vào trong quy trình sản xuất. Nguồn nước phục vụ chủ yếu cho nhu cầu sinh hoạt và vận hành, được khai thác từ hệ thống cấp nước đô

thị. Ngoài ra, được sử dụng cho mục đích dự trữ phòng cháy chữa cháy và công tác vệ sinh công nghiệp. Tổng Công ty luôn chú trọng quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên nước, phù hợp với các định hướng phát triển bền vững.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Tổng Công ty luôn chú trọng thực hiện công tác bảo vệ môi trường gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh hướng tới phát triển bền vững. Xây dựng và ban hành đầy đủ các quy trình nghiệp vụ, nội quy và quy định an toàn; đồng thời tăng cường đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại và tự động hóa nhằm nâng cao mức độ an toàn trong vận hành.

- Tổng Công ty đã hoàn thành việc lập và được cấp Giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và duy trì thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý môi trường định kỳ đối với hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý hệ thống kho, bể xăng dầu theo định hướng an toàn, xanh, sạch, thông minh; ứng dụng các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và vận hành. Đồng thời, phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện định kỳ công tác đánh giá an ninh cảng biển; tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố môi trường tại các kho xăng dầu nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng ứng cứu và ý thức an toàn của người lao động.

- Tại KCN Sóng Thần 1 và KCN Bình Đường, công tác xử lý nước thải được thực hiện nghiêm túc, nước sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải sau xử lý được kết nối và truyền dữ liệu trực tuyến 24/24 về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, các thông số đều đạt quy chuẩn xả thải theo quy định.

- Bên cạnh đó, Tổng Công ty thường xuyên tổ chức tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; người lao động làm việc tại cửa hàng xăng dầu, kho, cảng đều được đào tạo và cấp chứng nhận liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

- Hằng năm, Tổng Công ty phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành quan trắc môi trường tại các kho, cảng xăng dầu, tuyến ống xăng dầu, hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp. Qua báo cáo kết quả phân tích, chưa ghi nhận trường hợp nào các thông số môi trường nằm ngoài giới hạn cho phép của các quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động: 482 lao động.

- Thời gian làm việc: 40 giờ/tuần.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động:

- Đảm bảo việc làm ổn định và thu nhập cho toàn thể người lao động; thực hiện ký kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của pháp luật hiện hành. Bố trí, sử dụng lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, kỹ năng và năng lực của từng cá nhân.

- Chú trọng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động; thúc đẩy tư duy ứng dụng dữ liệu trong tiến trình chuyển đổi số nhằm khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ. Chính sách tiền lương, tiền thưởng được duy trì theo hướng hợp lý, cạnh tranh, góp phần tạo động lực nâng cao năng suất lao động và đảm bảo đời sống cho người lao động.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp bảo hộ lao động phù hợp với từng điều kiện làm việc, nhằm phòng ngừa và hạn chế tối đa tai nạn lao động. Đồng thời, cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn lao động, chủ động xây dựng phương án ứng phó và xử lý kịp thời các rủi ro có thể phát sinh..

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo hiểm khác được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Nhà nước.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Tổng Công ty Thanh Lễ chủ động triển khai các chương trình an sinh xã hội với định hướng dài hạn, tập trung vào các nhóm đối tượng yếu thế và các hoạt động mang lại giá trị thiết thực cho địa phương.

Các chương trình được thực hiện trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và tuân thủ các quy định về quản lý tài chính. Trong năm báo cáo, Tổng Công ty đã triển khai các hoạt động tiêu biểu như: Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ các gia đình chính sách, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp vào Quỹ Bảo trợ Trẻ em và tích cực tham gia các chương trình xã hội, từ thiện khác nhằm nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng. Thông qua các hoạt động này, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn kết với cộng đồng địa phương, đồng thời khẳng định cam kết phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kết quả kinh doanh công ty mẹ | Kết quả kinh doanh hợp nhất |
|-----|-------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 21.218.533.753.826 | 21.468.997.285.393 |
| 2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 89.191.902.596 | 57.701.384.319 |
| 3 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 109.396.878.472 | 172.660.638.204 |
| 4 | Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành | 16.315.442.430 | 27.940.054.290 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 93.081.436.042 | 144.720.583.914 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán)

Trước những diễn biến phức tạp của thị trường xăng dầu thế giới và trong nước, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; chủ động triển khai các giải pháp điều hành phù hợp với diễn biến của thị trường. Chuỗi cung ứng từ tạo nguồn, tồn chứa, vận chuyển đến phân phối được tổ chức hiệu quả, đảm bảo nguồn hàng ổn định cho hệ thống kinh doanh và hạn chế rủi ro do biến động giá.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2025 | 31/12/2024 | Tỷ lệ % tăng/(giảm) |
|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| I. Theo BCTC hợp nhất: | | | | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 6.754.983.044.873 | 6.066.454.338.901 | 11,35% |
| 2 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.794.732.984.086 | 1.309.974.148.970 | 37,01% |
| 3 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 30.765.000.000 | 3.298.400.000 | 832,72% |
| 4 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 2.240.410.119.581 | 1.916.513.887.891 | 16,90% |
| 5 | Hàng tồn kho | 2.639.030.359.741 | 2.728.881.341.813 | (3,29%) |
| 6 | Tài sản ngắn hạn khác | 50.044.581.465 | 107.786.560.227 | (53,57%) |
| 7 | Tài sản dài hạn | 2.731.007.009.616 | 2.888.831.448.617 | (5,46%) |
| 8 | Các khoản phải thu dài hạn | 41.037.179.445 | 54.229.508.185 | (24,33%) |
| 9 | Tài sản cố định | 1.351.821.767.603 | 1.569.612.230.872 | (13,88%) |
| 10 | Bất động sản đầu tư | 293.167.114.468 | 175.414.839.740 | 67,13% |
| 11 | Tài sản dở dang dài hạn | 651.943.440.926 | 613.897.374.229 | 6,20% |
| 12 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 375.550.689.293 | 351.642.761.899 | 6,80% |
| 13 | Tài sản dài hạn khác | 17.486.817.881 | 124.034.733.692 | (85,90%) |
| | Tổng cộng tài sản | 9.485.990.054.489 | 8.955.285.787.518 | 5,93% |
| II. Theo BCTC công ty mẹ: | | | | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 6.662.167.115.953 | 5.868.773.650.754 | 13,52% |
| 2 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.737.714.139.612 | 1.263.099.099.951 | 37,58% |
| 3 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 2.280.381.110.160 | 1.814.311.421.979 | 25,69% |
| 5 | Hàng tồn kho | 2.624.259.735.912 | 2.716.206.051.080 | (3,39%) |
| 6 | Tài sản ngắn hạn khác | 19.812.130.269 | 75.157.077.744 | (73,64%) |
| 7 | Tài sản dài hạn | 2.331.641.006.142 | 2.489.976.856.208 | (6,36%) |
| 8 | Các khoản phải thu dài hạn | 20.000.000.000 | 38.917.808.185 | (48,61%) |
| 9 | Tài sản cố định | 759.088.616.519 | 948.265.082.766 | (19,95%) |
| 10 | Bất động sản đầu tư | 291.798.594.250 | 173.808.029.656 | 67,89% |
| 11 | Tài sản dở dang dài hạn | 344.591.807.081 | 312.063.266.177 | 10,42% |
| 12 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 910.625.707.872 | 910.625.707.872 | 0,00% |
| 13 | Tài sản dài hạn khác | 5.536.280.420 | 106.296.961.552 | (94,79%) |
| | Tổng cộng tài sản | 8.993.808.122.095 | 8.358.750.506.962 | 7,60% |

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2025, năm 2024 đã kiểm toán)

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2025 | 31/12/2024 | Tỷ lệ % tăng/(giảm) |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|------------------------|
| I. Theo BCTC hợp nhất: | | | |
| Nợ phải trả | 6.664.418.098.534 | 6.216.927.011.090 | 7,20% |
| Nợ ngắn hạn | 6.377.793.110.464 | 5.900.145.989.189 | 8,10% |
| Nợ dài hạn | 286.624.988.070 | 316.781.021.901 | (9,52%) |
| Vốn chủ sở hữu | 2.821.571.955.955 | 2.738.358.776.428 | 3,04% |
| Tổng cộng nguồn vốn | 9.485.990.054.489 | 8.955.285.787.518 | 5,93% |
| II. Theo BCTC công ty mẹ: | | | |
| Nợ phải trả | 6.605.519.362.725 | 6.019.319.225.809 | 9,74% |
| Nợ ngắn hạn | 6.319.926.224.655 | 5.705.487.778.908 | 10,77% |
| Nợ dài hạn | 285.593.138.070 | 313.831.446.901 | (9,00%) |
| Vốn chủ sở hữu | 2.388.288.759.370 | 2.339.431.281.153 | 2,09% |
| Tổng cộng nguồn vốn | 8.993.808.122.095 | 8.358.750.506.962 | 7,60% |

(Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất năm 2025, năm 2024 đã kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Về hoạt động kinh doanh xăng dầu: Tổ chức và vận hành hiệu quả chuỗi giá trị từ tạo nguồn, tồn trữ, vận chuyển đến phân phối, qua đó đảm bảo nguồn cung ổn định cho toàn hệ thống. Đồng thời, chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường và giá dầu để duy trì mức tồn kho hợp lý, góp phần giảm thiểu rủi ro và hạn chế tác động bất lợi đến hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh giá dầu biến động.

- Về hoạt động tài chính: Duy trì trạng thái an toàn, lành mạnh. Công tác huy động và sử dụng vốn được thực hiện đúng mục đích và hiệu quả. Tăng cường quản trị dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán và bảo toàn vốn đầu tư của cổ đông. Các dự án đầu tư được triển khai theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị, đi kèm với các biện pháp kiểm soát rủi ro và giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn, nhằm nâng cao hiệu quả và tính an toàn trong hoạt động tài chính.

- Về hoạt động đầu tư: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và phân tích dữ liệu, phục vụ hiệu quả hoạt động quản trị. Song song đó, hoạt động đầu tư phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu tiếp tục được thúc đẩy, củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu phát triển dài hạn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tổng Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, bảo toàn nguồn vốn, hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước, chăm lo đời sống người lao động và đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Tập trung rà soát đánh giá lại công tác quản lý tài sản, đất đai, môi trường, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trọng điểm phù hợp với chủ trương và phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Hoạt động kinh doanh xăng dầu chịu tác động trực tiếp từ biến động giá thị trường thế giới và cơ chế điều hành giá trong nước. Theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 về kinh doanh xăng dầu, giá bán lẻ xăng dầu được điều chỉnh định kỳ và thay đổi theo diễn biến thị trường; Giá trị hàng tồn kho xăng dầu tại từng thời điểm cũng có tính biến động liên tục, đồng thời giá xăng dầu quý I năm 2026 tăng cao, trên cơ sở đó, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào thời điểm cuối kỳ không phản ánh đặc thù biến động giá của mặt hàng xăng dầu. Vì vậy, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm đối với mặt hàng xăng dầu.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty:

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty:

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng, cũng như khó khăn, áp lực của thị trường xăng dầu, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã chủ động nắm bắt tình hình, bám sát diễn biến thị trường xăng dầu, thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế để vượt qua giai đoạn khó khăn chung, tiết giảm chi phí, kiểm soát chất lượng xăng dầu, bảo vệ thương hiệu, duy trì ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo nguồn cung xăng dầu phục vụ kinh tế - xã hội và thực hiện tốt nghĩa vụ thu nộp ngân sách nhà nước.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ đạt được |
|----------------------|--------------------|--------------------|----------------|
| Tổng doanh thu | 20.010.845.000.000 | 21.548.788.944.071 | 107,69% |
| Lợi nhuận trước thuế | 129.582.000.000 | 172.660.638.204 | 133,24% |
| Lợi nhuận sau thuế | 110.699.000.000 | 144.720.583.914 | 130,73% |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán)

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ, báo cáo tài chính và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Qua công tác giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy:

- Tình hình tài chính an toàn, quản trị dòng tiền hiệu quả, sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo khả năng thanh toán. Các dự án đầu tư được triển khai theo định hướng của Hội đồng quản trị, gắn với kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Ban Tổng Giám đốc đã phát huy tốt vai trò điều phối và chỉ đạo điều hành, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chức năng tại Tổng Công ty, các đơn vị trực thuộc và công ty con trong quá trình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Các đơn vị thành viên và công ty con duy trì hoạt động ổn định, đóng góp

tích cực vào kết quả chung của Tổng Công ty.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc chủ động thích ứng với biến động của thị trường xăng dầu trong nước và quốc tế, công tác phát triển hệ thống phân phối góp phần nâng cao giá trị thương hiệu.

Về tổng thể trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ quy định pháp luật đồng thời hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1. Các chỉ tiêu hoạt động năm 2026:

Căn cứ thực tế phát sinh năm 2025 và diễn biến tình hình kinh tế xã hội Quý 01 năm 2026, Tổng Công ty Thanh Lễ đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

| | | | |
|-------------------------------|---|--------------------|------|
| • Tổng doanh thu năm 2026 | : | 34.773.879.000.000 | đồng |
| • Lợi nhuận trước thuế | : | 238.964.000.000 | đồng |
| • Lợi nhuận sau thuế | : | 198.331.000.000 | đồng |
| • Mức chi cổ tức dự kiến (4%) | : | 94.640.000.000 | đồng |

Mức chi cổ tức năm 2026 cụ thể: Tùy thuộc vào tình hình, sẽ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

3.2. Một số nhiệm vụ trọng điểm của Hội đồng quản trị:

Trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu dự báo tiếp tục biến động phức tạp, đặc biệt trong những tháng đầu năm 2026 khi tình hình căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông có thể ảnh hưởng đến nguồn cung và giá dầu thế giới. Đồng thời, xu hướng chuyển đổi số, chuyển dịch năng lượng xanh ngày càng rõ nét và không thể đảo ngược, xu hướng xe điện thay thế xe xăng càng ngày nhận được nhiều sự quan tâm cũng ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ xăng dầu. Do vậy, Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026 như sau:

- Tăng cường vai trò định hướng và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; chỉ đạo các giải pháp điều hành linh hoạt nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng và nguồn cung xăng dầu cho hệ thống phân phối.

- Xây dựng kịch bản điều hành phù hợp với biến động của thị trường xăng dầu thế giới; nâng cao năng lực quản trị rủi ro về giá, nguồn cung và logistics; tăng cường quản trị tồn kho chiến lược nhằm hạn chế tác động bất lợi từ biến động giá dầu. Tiếp tục tối ưu hóa chuỗi cung ứng xăng dầu, nâng cao hiệu quả hệ thống kho bãi và mạng lưới bán lẻ nhằm củng cố năng lực cạnh tranh và gia tăng thị phần.

- Giám sát chặt chẽ công tác quản trị tài chính, quản trị dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo an toàn tài chính, kiểm soát rủi ro đầu tư và nâng cao hiệu quả các dự án.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



| Stt | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CCCD/Giấy CNDKDN | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--|---------------------------------|---------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT | 074057006158 | Tp. HCM | 2.100 | 0,0009% | |
| | Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | | 3701815415 | Tp. HCM | 0 | 0 | Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT |
| | Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | | 3700148529 | Tp. HCM | 0 | 0 | Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT |
| | Công ty CP Đá Núi Nhỏ | | 3700762471 | Tp. HCM | 0 | 0 | Ông Đoàn Minh Quang là Chủ tịch HĐQT |
| | Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | | 3702395178 | Tp. HCM | 0 | 0 | Ông Đoàn Minh Quang là CT.HĐ TV |
| 2 | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc | 070165006381 | Tp. HCM | 3.200 | 0,0014% | |
| | Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | | 3701815415 | Tp. HCM | 0 | 0 | Bà Phạm Thị Băng Trang là |

| Stt | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CCCD/Giấy CNĐKDN | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--|-------------------------------------|---------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | | | | Trưởng ban kiểm soát |
| | Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | | 3700148529 | Tp. HCM | 0 | 0 | Bà Phạm Thị Băng Trang là Trưởng ban kiểm soát |
| | Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | | 3702395178 | Tp. HCM | 0 | 0 | Bà Phạm Thị Băng Trang là Thành viên HĐQT |
| 3 | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc | 074174000492 | Tp. HCM | 7.100 | 0,0030% | |
| | Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương | | | | 85.176.000 | 36,00% | Bà Phạm Thị Kim Thành là người đại diện vốn |
| 4 | Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều | 001068000291 | Hà Nội | 11.724.000 | 4,96% | |

| Stt | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CCCD/Giấy CNDKDN | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|---------------------------------|---------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|
| | | hành | | | | | |
| | Cty CP XD và DV Hàng hải S.T.S | | 0303235586 | Tp. HCM | 0 | 0 | Ông Lê Trọng Hiếu là Tổng Giám đốc |
| 5 | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành | 024150427 | Tp. HCM | 0 | 0 | |

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác tổ chức: Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Các nghị quyết, quyết định đảm bảo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, quyết định theo đa số, được ban hành phù hợp với thẩm quyền, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công nhiệm vụ trên nguyên tắc phát huy thế mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành viên, tạo nên sức mạnh tập thể hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả.

Hội đồng quản trị đã chủ động chỉ đạo, định hướng chiến lược phát triển, ban hành các nghị quyết và quyết định kịp thời nhằm hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, thích ứng với những biến động của thị trường. Đồng thời, các kiến nghị của Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị đều được nghiên cứu và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng quản trị nhận thấy vẫn cần tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản trị, tăng cường công tác giám sát, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp và nâng cao chất lượng công tác hoạch định chiến lược nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới.

- Công tác điều hành: Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức 12 cuộc họp và ban hành 15 Nghị quyết về các vấn đề:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---|-----------------|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 16/01/2025 | Thông qua việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). | 100% |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 16/01/2025 | Thông qua việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Tp.HCM. | 100% |

| | | | | |
|----|-------------|------------|---|------|
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 04/03/2025 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. | 100% |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 04/03/2025 | Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty Thanh Lễ với người có liên quan. | 100% |
| 5 | 04A/NQ-HĐQT | 04/04/2025 | Thông qua việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank). | 100% |
| 6 | 05/NQ-HĐQT | 20/04/2025 | Thông qua việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sài Gòn (MB). | 100% |
| 7 | 06/NQ-HĐQT | 06/05/2025 | Thông qua việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB). | 100% |
| 8 | 07/NQ-HĐQT | 18/06/2025 | Thông qua việc bổ nhiệm các Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP. | 100% |
| 9 | 08/NQ-HĐQT | 18/06/2025 | Thông qua việc bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP. | 100% |
| 10 | 09/NQ-HĐQT | 30/06/2025 | Thông qua việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bình Dương. | 100% |
| 11 | 10/NQ-HĐQT | 03/07/2025 | Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán ký hợp đồng soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc niên độ 2025. | 100% |
| 12 | 11/NQ-HĐQT | 05/08/2025 | Thông qua thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát Triển (PGBank) - Chi nhánh Sài Gòn. | 100% |
| 13 | 12/NQ-HĐQT | 23/09/2025 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền nhận cổ tức năm 2024 bằng tiền | 100% |
| 14 | 13/NQ-HĐQT | 10/11/2025 | Thông qua việc thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sài Gòn (MB). | 100% |
| 15 | 14/NQ-HĐQT | 01/12/2025 | Thông qua cử người đại diện theo ủy quyền của Tổng Cty TM XNK Thanh Lễ tại Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics. | 100% |

2. Ban Kiểm Soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

| Stt | Họ tên | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CCCD | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------|--------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1 | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng Ban Kiểm soát | 074164001086 | Tp. HCM | 2.000 | 0,0008% | |
| 2 | Bà Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên Ban Kiểm soát | 074185009166 | Đồng Nai | 0 | 0 | |
| 3 | Ông Lê Tuấn Vũ | Thành viên Ban Kiểm soát | 036080000654 | Hà Nội | 0 | 0 | |

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nhiệm kỳ 2022 – 2027 gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên. Trong năm 2025, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và tổ chức triển khai các hoạt động giám sát đối với công tác quản trị, điều hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các hoạt động được thực hiện trên nguyên tắc độc lập, khách quan, tuân thủ quy định của pháp luật nhằm bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực trong việc lập báo cáo tài chính và thẩm định tính hệ thống, nhất quán, phù hợp của công tác kế toán, thống kê, tài chính. Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

- Giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt chủ trương, định hướng phát triển và các quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty, làm cơ sở cho công tác giám sát.

- Xem xét tính pháp lý, tính phù hợp của trình tự, thủ tục ban hành và việc triển khai thực hiện các văn bản nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

- Tổ chức các cuộc họp Ban kiểm soát, xây dựng hoàn thiện các báo cáo thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đồng thời thường xuyên trao đổi nội bộ về nội dung liên quan đến kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên theo nguyên tắc đảm bảo công tác giám sát.

- Giám sát hoạt động quản trị của Ban Tổng Giám đốc trong công tác sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, tình hình sử dụng vốn và khả năng thanh toán nợ của Tổng Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát việc công bố thông tin của công ty đại chúng tuân thủ các quy định của pháp luật chứng khoán để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động và chế độ chính sách đối với người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2025:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã quyết định thông qua mức trích lập Quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 737.028.288 đồng khi phân phối lợi nhuận năm 2024.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Không có.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Giấy ĐKKD | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|---|-----------------------------------|------------|---------------------------------------|--|---|
| 1 | Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | Người có liên quan | 3700817346 | Tp. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty Thanh Lễ và người có liên quan. | - Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 34.409 triệu đồng. - Vận chuyển xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác cho Tổng Công ty: 123.340 triệu đồng. |
| 2 | Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | Người có liên quan | 3700828316 | Tp. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 | - Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 1.928.111 triệu đồng. |
| 3 | Công ty CP SXKD Thanh Lễ | Người có liên quan | 3700785510 | Tp. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 | - Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 109 triệu đồng. - Cung cấp nước đóng chai cho |

| | | | | | | |
|---|---|--------------------|------------|-----------------|--|---|
| | | | | | | Tổng Công ty: 361 triệu đồng. |
| 4 | Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D | Người có liên quan | 3702525028 | Tp. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 | - Cho thuê mặt bằng và cung cấp các dịch vụ khác: 1.323 triệu đồng. - Cung cấp dịch vụ đăng kiểm xe cho Tổng Công ty: 19 triệu đồng. |
| 5 | Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | Người có liên quan | 3702395178 | Tp. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 | - Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 1.939 triệu đồng. |
| 6 | Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | Người có liên quan | 3700148529 | Tp. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 | - Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 170.864 triệu đồng. |
| 7 | Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S | Người có liên quan | 0303235586 | TP. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 | - Bán xăng dầu và cung cấp các dịch vụ khác: 97.926 triệu đồng. - Bán xăng dầu cho Tổng Công ty: 16.008 triệu đồng. |
| 8 | Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh | Người có liên quan | 3700811376 | Tp. Hồ Chí Minh | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 04/03/2025 | - Cho Tổng Công ty thuê kho: 6.862 triệu đồng. |

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm, dẫn đến khoản mục Hàng tồn kho (Thuyết minh V.7) trên Bảng Cân đối kế toán chưa được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tổng Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục Hàng tồn kho trên bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi, chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm tương ứng khoản 30,6 tỷ đồng.

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP; phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Kiểm toán lưu ý đến Thuyết minh VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài

chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc phân bổ lợi thế kinh doanh của những năm trước. Ý kiến kiểm toán không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán đính kèm theo báo cáo này. Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2025 đã được công bố trên trang thông tin điện tử thalexim.vn của Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, KT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



Đoàn Minh Quang



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 5 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 – 7 |
| <i>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</i> | |
| 3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 8 – 11 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 | 12 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 | 13 – 14 |
| 6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 | 15 – 78 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là "**Tổng Công ty**") trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số **1165/QĐ-TTg** ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, mã số **3700146458**, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 12 năm 2025.

| | | |
|--------------------------------------|----------|--|
| Vốn điều lệ | : | 2.366.000.000.000 Đồng |
| Vốn pháp định | : | 6.000.000.000 Đồng |
| Lĩnh vực hoạt động kinh doanh | : | Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ |

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : **3700146458**

*** Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HDQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Thành viên HDQT
3. Bà Phạm Thị Kim Thành Thành viên HDQT
4. Ông Lê Trọng Hiếu Thành viên HDQT không điều hành
5. Ông Nguyễn Tiến Dũng Thành viên HDQT không điều hành

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

1. Bà Nguyễn Thị Khánh Hà Trưởng ban
2. Bà Bùi Thị Kim Khoa Thành viên
3. Ông Lê Tuấn Vũ Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc
2. Bà Phạm Thị Kim Thành Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Đặng Văn Đoàn Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Bùi Kim Nga Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/06/2025)
5. Ông Nguyễn Viết Trọng Nhân Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/06/2025)
6. Ông Trần Tấn Tới Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/06/2025)

Bà Phạm Thị Băng Trang được bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 08/NQ-HDQT ngày 18/06/2025.

Bà Bùi Kim Nga, Ông Nguyễn Viết Trọng Nhân, Ông Trần Tấn Tới được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 07/NQ-HDQT ngày 18/06/2025.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 78.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán cùng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 0407.01-04/2026/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 08 đến trang 78, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm, dẫn đến khoản mục Hàng tồn kho (Thuyết minh V.7) trên Bảng Cân đối kế toán chưa được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tổng Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục Hàng tồn kho trên bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi, chi tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm tương ứng khoản 30,6 tỷ Đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc phân bổ lợi thế kinh doanh của những năm trước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1762-2023-124-1

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4705-2024-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: Đồng

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 6.754.983.044.873 | 6.066.454.338.901 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 1.794.732.984.086 | 1.309.974.148.970 |
| 111 | 1. Tiền | | 735.727.984.086 | 646.915.148.970 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 1.059.005.000.000 | 663.059.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 30.765.000.000 | 3.298.400.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 123 | 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.2 | 30.765.000.000 | 3.298.400.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 2.240.410.119.581 | 1.916.513.887.891 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.3 | 2.082.778.918.268 | 1.723.383.649.096 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.4 | 11.519.682.403 | 16.693.258.448 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | - | - |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | V.5 | 154.023.132.682 | 182.285.680.725 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.6 | (7.911.613.772) | (5.848.700.378) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | | 2.639.030.359.741 | 2.728.881.341.813 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | V.7 | 2.639.030.359.741 | 2.728.881.341.813 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 50.044.581.465 | 107.786.560.227 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.8 | 8.918.276.139 | 12.028.981.475 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | V.9 | 27.325.742.822 | 72.323.879.941 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.10 | 13.800.562.504 | 23.433.698.811 |
| 155 | 4. Tài sản ngắn hạn khác | | - | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 2.731.007.009.616 | 2.888.831.448.617 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 41.037.179.445 | 54.229.508.185 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | - | - |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | V.11 | - | 13.184.628.740 |
| 215 | 3. Phải thu về cho vay dài hạn | | - | - |
| 216 | 4. Phải thu dài hạn khác | V.12 | 41.037.179.445 | 41.044.879.445 |
| 219 | 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | - | - |

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 220 | II. Tài sản cố định | | 1.351.821.767.603 | 1.569.612.230.872 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.13 | 1.148.642.974.120 | 1.241.177.212.878 |
| 222 | - Nguyên giá | | 2.393.645.172.498 | 2.407.539.659.173 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.245.002.198.378) | (1.166.362.446.295) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.14 | 203.178.793.483 | 328.435.017.994 |
| 228 | - Nguyên giá | | 312.423.261.234 | 435.729.203.153 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (109.244.467.751) | (107.294.185.159) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | V.15 | 293.167.114.468 | 175.414.839.740 |
| 231 | - Nguyên giá | | 351.718.379.254 | 226.352.419.154 |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (58.551.264.786) | (50.937.579.414) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 651.943.440.926 | 613.897.374.229 |
| 241 | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | V.16 | 47.131.030.447 | 37.973.870.280 |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.17 | 604.812.410.479 | 575.923.503.949 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 375.550.689.293 | 351.642.761.899 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | - | - |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | V.18 | 375.550.689.293 | 351.642.761.899 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 255 | 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 17.486.817.881 | 124.034.733.692 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.19 | 17.486.817.881 | 124.034.733.692 |
| 262 | 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | | - | - |
| 263 | 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | | - | - |
| 268 | 4. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 269 | 5. Lợi thế thương mại | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 9.485.990.054.489 | 8.955.285.787.518 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 6.664.418.098.534 | 6.216.927.011.090 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 6.377.793.110.464 | 5.900.145.989.189 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.20 | 467.953.577.425 | 1.013.548.099.677 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.21 | 7.405.268.904 | 1.171.488.759 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.22 | 278.294.265.348 | 225.784.059.748 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 10.445.307.661 | 19.446.367.199 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.23 | 8.647.928.603 | 7.290.328.193 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | | - | - |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | V.24 | 42.988.888.760 | 315.997.277.110 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.25 | 5.120.928.402.538 | 3.878.595.438.512 |
| 321 | 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | - | - |
| 322 | 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.26 | 49.488.842.608 | 47.454.734.683 |
| 323 | 11. Quỹ bình ổn giá | V.27 | 391.640.628.617 | 390.858.195.308 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 286.624.988.070 | 316.781.021.901 |
| 331 | 1. Phải trả người bán dài hạn | V.28 | 22.024.200.000 | 22.024.200.000 |
| 332 | 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | | - | - |
| 336 | 3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | V.29 | 219.352.501.016 | 231.504.745.859 |
| 337 | 4. Phải trả dài hạn khác | V.30 | 20.525.504.054 | 23.012.613.042 |
| 338 | 5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.31 | 24.722.783.000 | 40.239.463.000 |
| 341 | 6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | - | - |
| 342 | 7. Dự phòng phải trả dài hạn | | - | - |
| 343 | 8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | - | - |

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 400 | D VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 2.821.571.955.955 | 2.738.358.776.428 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.32 | 2.821.571.955.955 | 2.738.358.776.428 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | V.32.1 | 2.366.000.000.000 | 2.366.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | - | - |
| 414 | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | - | - |
| 415 | 4. Cổ phiếu quỹ | V.32.2 | (243.800.000) | (243.800.000) |
| 416 | 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | V.32.3 | (25.242.423.594) | (25.242.423.594) |
| 418 | 6. Quỹ đầu tư phát triển | V.32.4 | 41.140.666.966 | 32.530.533.229 |
| 420 | 7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | - | - |
| 421 | 8. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối | V.32.5 | 72.039.163.163 | 2.025.125.850 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | (49.666.015.231) | (35.366.776.780) |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 121.705.178.394 | 37.391.902.630 |
| 429 | 9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | V.32.6 | 367.878.349.420 | 363.289.340.943 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 9.485.990.054.489 | 8.955.285.787.518 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

ĐVT: Đồng

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|--------------------|--------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 21.468.997.285.393 | 20.271.716.329.351 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.33 | 21.468.997.285.393 | 20.271.716.329.351 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.34 | 20.548.738.613.200 | 19.478.518.767.324 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 920.258.672.193 | 793.197.562.027 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.35 | 57.701.384.319 | 57.787.102.207 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.36 | 284.443.079.908 | 270.462.772.431 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 242.085.792.550 | 207.336.698.518 |
| 24 | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết | VI.37 | 41.455.576.351 | 23.487.683.935 |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | VI.38 | 361.640.244.881 | 435.235.873.413 |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.39 | 110.116.770.626 | 107.425.103.168 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 263.215.537.448 | 61.348.599.157 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | VI.40 | 22.090.274.359 | 72.439.952.210 |
| 32 | 13. Chi phí khác | VI.41 | 112.645.173.603 | 60.990.732.865 |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | | (90.554.899.244) | 11.449.219.345 |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 172.660.638.204 | 72.797.818.502 |
| 51 | 16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành | VI.42 | 27.940.054.290 | 12.505.289.350 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | | 144.720.583.914 | 60.292.529.152 |
| 61 | 18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ | | 133.031.775.299 | 46.986.316.245 |
| 62 | 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | VI.43 | 11.688.808.615 | 13.306.212.907 |
| 70 | 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.44 | 494 | 163 |
| 71 | 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.44 | 494 | 163 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: Đồng

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|----------------|--------------------------|------------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 172.660.638.204 | 72.797.818.502 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | V.13;14; 15 | 108.260.457.992 | 98.984.224.478 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | V.6 | 2.062.913.394 | (1.300.714.089) |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (771.581.696) | 3.521.807.149 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (78.860.229.060) | (49.346.281.417) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | VI.36 | 242.085.792.550 | 207.336.698.518 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | 15.776.420.932 | 5.818.267.327 |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 461.214.412.316 | 337.811.820.468 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (279.446.133.278) | (553.343.722.026) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | 80.693.821.905 | 142.196.200.293 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả | | (793.158.552.757) | 875.153.443.398 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 109.658.621.147 | 103.343.717.489 |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (239.950.797.784) | (211.324.355.303) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.22 | (17.999.586.541) | (38.680.680.255) |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 4.589.008.477 | 107.824.110.308 |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (25.785.078.705) | (19.029.489.957) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (700.184.285.220) | 743.951.044.415 |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|----------------------|----------------------|
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (160.785.443.592) | (97.178.691.789) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 132.713.557.548 | 85.681.610.594 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (34.765.000.000) | (798.400.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 7.298.400.000 | 75.636.416.400 |
| 27 | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 49.644.358.736 | 25.009.206.434 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (5.894.127.308) | 88.350.141.639 |
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | V.25 | 23.403.957.140.721 | 20.844.466.371.332 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | V.25;31 | (22.169.030.336.603) | (21.731.983.361.871) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (44.122.256.420) | (81.670.664.665) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 1.190.804.547.698 | (969.187.655.204) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 484.726.135.170 | (136.886.469.150) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | V.1 | 1.309.974.148.970 | 1.446.850.161.071 |
| 61 | - Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 32.699.946 | 10.457.049 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V.1 | 1.794.732.984.086 | 1.309.974.148.970 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là "Tổng Công ty".

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc chung của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:

| Tên đơn vị kinh doanh | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh |
|---|--|--|
| 1. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM | Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM | Văn phòng giao dịch, cho thuê văn phòng |
| 2. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên - An Giang | Số 493/43, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang | Kinh doanh xăng dầu |
| 3. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế | Thôn 1B, Phường Phú Bài, Thành phố Huế | Kinh doanh xăng dầu |
| 4. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước | Quốc lộ 14, Xã Nha Bích, Tỉnh Đồng Nai | Kinh doanh xăng dầu |
| 5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk | Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk | Kinh doanh xăng dầu |
| 6. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng | Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng | Kinh doanh xăng dầu |
| 7. Công viên Nước Thanh Lễ | 563 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM | Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường |
| 8. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star | Số 37 Hùng Vương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM | Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường |
| 9. Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ | Số 11A Đường 18/9, Xã Phú Giáo, TP.HCM | Dịch vụ cho thuê hội trường |
| 10. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ | Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM | Kho chứa xăng dầu |
| 11. Tổng kho Xăng dầu VK 102 - Thanh Lễ | Ấp 6, Xã Nhà Bè, TP.HCM | Kho chứa xăng dầu |
| 12. Kho cảng xăng dầu Bình Thắng | Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, TP.HCM | Kho chứa xăng dầu |
| 13. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường | Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.HCM | Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp |
| 14. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn | Phường Thuận An, TP.HCM | Kinh doanh vật liệu xây dựng |
| 15. Hệ thống 22 cửa hàng bán lẻ xăng dầu | TP HCM và Tỉnh Đồng Nai | Kinh doanh xăng dầu |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ Công ty con và Công ty liên doanh liên kết

| Tên Công ty | Hoạt động chính | Mã số doanh nghiệp | Vốn đầu tư của TCT | Tỷ lệ quyền kiểm soát |
|---|--|--------------------|--------------------|-----------------------|
| Công ty con | | | | |
| 1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương | Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị | 3700144108 | 43.738.905.964 | 100% |
| 2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu | 3702525028 | 15.000.000.000 | 100% |
| 3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | Kinh doanh xăng dầu | 3700828316 | 24.000.000.000 | 80,00% |
| 4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa | 3702395178 | 480.000.000.000 | 60% |
| 5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương | Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng | 3700817346 | 45.302.676.635 | 57,97% |
| 6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng | 3700785510 | 8.188.380.782 | 56,84% |
| Công ty liên kết | | | | |
| 7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | Cung cấp các loại giống cây trồng | 3701815415 | 37.937.734.355 | 35,02% |
| 8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng | 3700148529 | 256.458.010.136 | 25,00% |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2025 như sau:

| Công ty | Giá trị khoản đầu tư | Lợi thế thương mại | Giá trị phần vốn góp thực tế | Vốn điều lệ của Công ty con | Tỷ lệ lợi ích |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------|
| - Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | 43.738.905.964 | 17.738.905.964 | 26.000.000.000 | 26.000.000.000 | 100% |
| - Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D | 15.000.000.000 | - | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 | 100% |
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | 24.000.000.000 | - | 24.000.000.000 | 30.000.000.000 | 80,00% |
| - Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | 480.000.000.000 | - | 480.000.000.000 | 800.000.000.000 | 60,00% |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | 45.302.676.635 | 6.988.136.848 | 38.314.539.787 | 66.088.039.787 | 57,97% |
| - Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | 8.188.380.782 | 515.380.782 | 7.673.000.000 | 13.500.000.000 | 56,84% |
| Cộng | 616.229.963.381 | 25.242.423.594 | 590.987.539.787 | | |

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.
- Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

- Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

4. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/05/2025 của Bộ Tài chính.
- Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

| Nhóm Tài sản cố định hữu hình | Số năm |
|-----------------------------------|---------|
| + Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 |
| + Máy móc và thiết bị | 03 – 15 |
| + Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 20 |
| + Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 15 |
| + Tài sản cố định khác | 05 – 10 |

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. TSCĐ vô hình được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDD) có thời hạn và QSDD lâu dài. Nguyên giá của Quyền sử dụng đất (QSDD) gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);
- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDD xác định được thời hạn sử dụng; QSDD lâu dài thì không trích khấu hao.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Chương trình phần mềm*

- Nguyên giá chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

❖ *Giấy phép xả nước thải*

Nguyên giá của Giấy phép xả nước thải là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã chi ra để được cấp giấy phép xả nước thải theo quy định. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của giấy phép. Số năm khấu hao của các nhóm TSCD vô hình như sau:

| Nhóm Tài sản cố định vô hình | Số năm |
|---------------------------------|---------|
| + Quyền sử dụng đất có thời hạn | 10 – 50 |
| + Chương trình phần mềm | 10 |
| + Giấy phép xả nước thải | 10 |

7. **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.
- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

| Nhóm Bất động sản đầu tư | Số năm |
|--|----------------|
| + Quyền sử dụng đất lâu dài | Không khấu hao |
| + Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc | 25 - 50 |

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

- Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán

30/10/2025
CÔNG TY
HỮU
DÂN
VIỆ
HỒ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

- Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

10. Các khoản trả trước

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.
- Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Lợi thế thương mại

- Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.
- Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.
- Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chi tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

15. Doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

16. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ *Trích lập các quỹ*

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ *Lợi ích cổ đông không kiểm soát*

- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm,

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Lãi trên cổ phiếu

- *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).
- *Lãi suy giảm trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông (mẫu số).

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

23. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | ĐVT: Đồng | |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| - Tiền mặt tại quỹ | | 11.767.117.611 | 75.184.860.614 |
| - Tiền gửi ngân hàng (*) | | 723.960.866.475 | 571.730.288.356 |
| - Các khoản tương đương tiền (**) | | 1.059.005.000.000 | 663.059.000.000 |
| | Cộng | 1.794.732.984.086 | 1.309.974.148.970 |
| (*) Trong đó Tiền gửi | | USD 58,612.98 | USD 39,105.86 |

(**) Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 20.765.000.000 | 3.298.400.000 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN | 10.000.000.000 | - |
| Cộng | 30.765.000.000 | 3.298.400.000 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| - Phải thu hoạt động kinh doanh xăng dầu | 1.512.396.525.042 | 1.162.006.924.062 |
| - Phải thu hoạt động kinh doanh Bất động sản | 349.948.249.740 | 335.484.701.646 |
| - Phải thu hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác | 220.434.143.486 | 225.892.023.388 |
| Cộng | 2.082.778.918.268 | 1.723.383.649.096 |

Trong đó số dư với Bên liên quan:

| | | |
|---|---------------|---------------|
| + Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S | - | 1.482.546.466 |
| + Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD | 9.100.908.000 | 5.971.821.000 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu | 5.357.977.656 | 3.212.082.539 |
| - Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản | 5.045.141.809 | 8.529.647.029 |
| - Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác | 1.116.562.938 | 4.951.528.880 |
| Cộng | 11.519.682.403 | 16.693.258.448 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ | 33.055.340.462 | 69.087.331.615 |
| - Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ | 38.533.799.847 | 47.912.838.989 |
| - Tạm ứng | 58.938.140.363 | 59.143.481.082 |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 557.067.711 | 555.770.050 |
| - Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 5.738.857.315 | 4.051.097.315 |
| - Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S (*) | 15.175.930.000 | - |
| - Các đối tượng khác | 2.023.996.984 | 1.535.161.674 |
| Cộng | 154.023.132.682 | 182.285.680.725 |

(*) Bên liên quan.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| - Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt | 2.897.012.000 | (2.897.012.000) | 2.897.012.000 | (2.897.012.000) |
| - DNTN Dịch vụ TM Hải Long | 1.446.839.586 | (1.446.839.586) | 1.446.839.586 | (1.446.839.586) |
| - Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát | 1.177.940.000 | (1.177.940.000) | 1.177.940.000 | (1.177.940.000) |
| - Công ty TNHH Phong Huy Vân | 41.852.000 | (41.852.000) | 41.852.000 | (41.852.000) |
| - Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng | 170.113.583 | (85.056.792) | 170.113.583 | (85.056.792) |
| - Công ty TNHH MTV Thời trang của Chúng ta VINA | 2.262.913.394 | (2.262.913.394) | 2.262.913.394 | - |
| - Ông Thái Tấn Phát | - | - | 200.000.000 | (200.000.000) |
| Cộng | 7.996.670.563 | (7.911.613.772) | 8.196.670.563 | (5.848.700.378) |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

(*) Hoàn nhập dự phòng nợ đã thu hồi được trong năm.

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Hàng mua đang đi đường | 750.915.360.368 | 666.260.790.567 |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 69.142.742.628 | 69.916.950.229 |
| - Công cụ, dụng cụ | 677.780.261 | 438.815.041 |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 279.100.000 | 124.950.000 |
| - Thành phẩm | 478.080.786.593 | 504.480.708.740 |
| - Hàng hoá | 1.339.934.589.891 | 1.487.659.127.236 |
| Cộng | 2.639.030.359.741 | 2.728.881.341.813 |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| Nội dung | Số đầu năm | Tăng trong năm | Phân bổ vào chi phí trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|----------------------|
| - Công cụ dụng cụ | 4.089.203.539 | 2.496.618.726 | (4.696.684.515) | 1.889.137.750 |
| - Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác | 7.939.777.936 | 20.622.058.953 | (21.532.698.500) | 7.029.138.389 |
| Cộng | 12.028.981.475 | 23.118.677.679 | (26.229.383.015) | 8.918.276.139 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| 9. Thuế GTGT được khấu trừ | 27.325.742.822 | 72.323.879.941 |
| Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào. | | |
| 10. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước | | |
| - Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 11.887.692.123 | 22.758.063.093 |
| - Thuế Thu nhập cá nhân | 190.699.389 | 668.878.716 |
| - Thuế Nhà đất và tiền thuê đất | 1.722.170.992 | 6.757.002 |
| Cộng | 13.800.562.504 | 23.433.698.811 |
| 11. Trả trước cho người bán dài hạn | - | 13.184.628.740 |
| Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước. | | |
| 12. Phải thu dài hạn khác | | |
| - Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn | 21.033.179.445 | 21.033.179.445 |
| - Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Các đối tượng khác | 4.000.000 | 11.700.000 |
| Cộng | 41.037.179.445 | 41.044.879.445 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

13. Tài sản cố định hữu hình

| Chỉ tiêu | Nhóm TSCĐ | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ khác | Tổng cộng |
|---|-----------|--------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số đầu năm | | 1.640.675.164.149 | 297.957.647.966 | 457.369.696.404 | 7.505.489.350 | 4.031.661.304 | 2.407.539.659.173 |
| Tăng trong năm | | 2.288.117.168 | 435.176.945 | 5.798.975.453 | 53.800.000 | 640.480.500 | 9.216.550.066 |
| Thanh lý, nhượng bán | | (1.963.677.466) | (897.814.452) | (20.219.073.943) | (30.470.880) | - | (23.111.036.741) |
| Số cuối năm | | 1.640.999.603.851 | 297.495.010.459 | 442.949.597.914 | 7.528.818.470 | 4.672.141.804 | 2.393.645.172.498 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | | |
| Số đầu năm | | 703.261.987.877 | 143.950.069.281 | 310.774.335.488 | 5.258.848.754 | 3.117.204.895 | 1.166.362.446.295 |
| Khấu hao trong năm | | 39.206.045.856 | 24.245.931.558 | 33.956.518.732 | 488.744.512 | 481.067.551 | 98.378.308.209 |
| Thanh lý, nhượng bán | | (1.886.213.005) | (820.696.562) | (17.002.357.471) | (29.289.088) | - | (19.738.556.126) |
| Số cuối năm | | 740.581.820.728 | 167.375.304.277 | 327.728.496.749 | 5.718.304.178 | 3.598.272.446 | 1.245.002.198.378 |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | | 937.413.176.272 | 154.007.578.685 | 146.595.360.916 | 2.246.640.596 | 914.456.409 | 1.241.177.212.878 |
| Số cuối năm | | 900.417.783.123 | 130.119.706.182 | 115.221.101.165 | 1.810.514.292 | 1.073.869.358 | 1.148.642.974.120 |
| Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng | | | | | | | |
| Số đầu năm | | 17.847.066.538 | 36.466.582.470 | 112.216.692.180 | 1.603.912.217 | 1.738.604.003 | 169.872.857.408 |
| Số cuối năm | | 16.599.321.272 | 47.963.034.111 | 139.061.969.124 | 1.985.552.580 | 2.881.155.624 | 208.491.032.711 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

14. Tài sản cố định vô hình

| Nhóm TSCĐ | Quyền sử dụng đất [a] | Phần mềm máy tính [b] | Giấy phép và GP nhượng quyền [c] | Tổng cộng |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|---|------------------------|
| Chỉ tiêu | | | | |
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 434.133.674.334 | 1.277.347.000 | 318.181.819 | 435.729.203.153 |
| Tăng trong năm | - | 2.378.200.000 | - | 2.378.200.000 |
| Phân loại sang BĐSĐT | (125.365.960.100) | - | - | (125.365.960.100) |
| Giảm khác | - | - | (318.181.819) | (318.181.819) |
| Số cuối năm | 308.767.714.234 | 3.655.547.000 | - | 312.423.261.234 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 106.323.691.309 | 652.312.031 | 318.181.819 | 107.294.185.159 |
| Khấu hao trong năm | 7.063.275.288 | 300.918.685 | - | 7.364.193.973 |
| Phân loại sang BĐSĐT | (5.095.729.562) | - | - | (5.095.729.562) |
| Giảm khác | - | - | (318.181.819) | (318.181.819) |
| Số cuối năm | 108.291.237.035 | 953.230.716 | - | 109.244.467.751 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 327.809.983.025 | 625.034.969 | - | 328.435.017.994 |
| Số cuối năm | 200.476.477.199 | 2.702.316.284 | - | 203.178.793.483 |

- [a] Là Giá trị Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- [b] Là Phần mềm quản lý các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và Hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP tại văn phòng công ty.
- [c] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

15. Bất động sản đầu tư

| Chi tiêu | Nhóm BDS Quyền sử dụng đất [a] | Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b] | Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương | Nhà xưởng và văn phòng cho thuê | Tổng cộng |
|------------------------|--------------------------------------|---|---|---------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 155.738.416.055 | 22.486.765.076 | 34.271.436.844 | 13.855.801.179 | 226.352.419.154 |
| Tăng khác (*) | 125.365.960.100 | - | - | - | 125.365.960.100 |
| Số cuối năm | 281.104.376.155 | 22.486.765.076 | 34.271.436.844 | 13.855.801.179 | 351.718.379.254 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 21.231.616.449 | 7.904.639.418 | 9.552.332.452 | 12.248.991.095 | 50.937.579.414 |
| Khấu hao trong năm | 523.021.476 | 444.125.652 | 1.312.518.816 | 238.289.866 | 2.517.955.810 |
| Tăng khác (*) | 5.095.729.562 | - | - | - | 5.095.729.562 |
| Số cuối năm | 26.850.367.487 | 8.348.765.070 | 10.864.851.268 | 12.487.280.961 | 58.551.264.786 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 134.506.799.606 | 14.582.125.658 | 24.719.104.392 | 1.606.810.084 | 175.414.839.740 |
| Số cuối năm | 254.254.008.668 | 14.138.000.006 | 23.406.585.576 | 1.368.520.218 | 293.167.114.468 |

(*) Tăng do phân loại lại Quyền sử dụng đất tại khu nhà xưởng Khu công nghiệp Bình Đường từ Tài sản cố định vô hình chuyển sang (Tham chiếu thuyết minh V.14).

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Quyền sử dụng đất tại Phường An Bình.

[b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

16. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Khu nhà Thương mại An Bình | 19.842.941.801 | 19.842.941.801 |
| - Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ | 19.077.965.146 | 18.130.928.479 |
| - Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ | 8.210.123.500 | - |
| Cộng | 47.131.030.447 | 37.973.870.280 |

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | | |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Khu Kho cảng An Sơn | 309.588.100.572 | 301.753.552.285 |
| - Kho xăng dầu Phú Quốc | 171.384.838.969 | 171.225.638.972 |
| - Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ | 42.694.396.688 | 41.675.730.866 |
| - Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư | 47.704.055.929 | 31.496.511.606 |
| - Hệ thống cửa hàng xăng dầu | 8.802.182.913 | 5.553.919.197 |
| - Các công trình, dự án khác | 24.638.835.408 | 24.218.151.023 |
| Cộng | 604.812.410.479 | 575.923.503.949 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

18. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| 18.1 Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | 310.184.227.276 | 292.232.608.749 |
| 18.2 Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương | 65.366.462.017 | 59.410.153.150 |
| Cộng | 375.550.689.293 | 351.642.761.899 |

18.1 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCoM: MVC). Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, chiếm 25% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

18.2 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

| Nội dung | Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD | Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD | Cộng |
|--------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Giá gốc khoản đầu tư | 256.458.010.136 | 37.937.734.355 | 294.395.744.491 |
| Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư | | | |
| - Số đầu năm | 35.774.598.613 | 21.472.418.795 | 57.247.017.408 |
| - Lợi nhuận trong năm | 30.630.263.734 | 10.825.312.617 | 41.455.576.351 |
| - Phân phối lợi nhuận trong năm | (12.678.645.207) | (4.869.003.750) | (17.547.648.957) |
| + Nhận cổ tức | (11.250.000.000) | (3.743.327.000) | (14.993.327.000) |
| + Trích quỹ KTPL, điều chỉnh khác | (1.428.645.207) | (1.125.676.750) | (2.554.321.957) |
| - Số cuối năm | 53.726.217.140 | 27.428.727.662 | 81.154.944.802 |
| Giá trị khoản đầu tư liên kết | | | |
| - Số đầu năm | 292.232.608.749 | 59.410.153.150 | 351.642.761.899 |
| - Số cuối năm | 310.184.227.276 | 65.366.462.017 | 375.550.689.293 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

19. Chi phí trả trước dài hạn

| Nội dung | Số đầu năm | Tăng trong năm | Phân bổ vào chi phí trong năm | Số cuối năm |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|
| - Chi phí sửa chữa, cải tạo | 16.120.440.953 | 2.769.736.665 | (9.181.301.350) | 9.708.876.268 |
| - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 795.047.683 | - | (397.523.928) | 397.523.755 |
| - Lợi thế kinh doanh (*) | 102.472.193.907 | - | (102.472.193.907) | - |
| - Công cụ dụng cụ và các chi phí khác | 4.647.051.149 | 20.957.515.073 | (18.224.148.364) | 7.380.417.858 |
| Cộng | 124.034.733.692 | 23.727.251.738 | (130.275.167.549) | 17.486.817.881 |

(*) Khoản tiền ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Tổng Công ty phân bổ trong thời hạn 3 năm (2023 – 2025).

20. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|--------------------------|
| - Phải trả hoạt động kinh doanh xăng dầu | 463.453.146.979 | 908.586.983.892 |
| - Phải trả hoạt động kinh doanh Bất động sản | 1.123.293.578 | 8.350.790.155 |
| - Phải trả hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác | 3.377.136.868 | 96.610.325.630 |
| Cộng | 467.953.577.425 | 1.013.548.099.677 |

Trong đó số dư với Bên liên quan:

| | | |
|---|-------------|---|
| + Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S | 484.640.000 | - |
|---|-------------|---|

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| - Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu | 6.048.463.224 | 831.367.799 |
| - Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản | 1.250.000.000 | 250.000.000 |
| - Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác | 106.805.680 | 90.120.960 |
| Cộng | 7.405.268.904 | 1.171.488.759 |

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Phải nộp trong năm (*) | Thực nộp trong năm (*) | Số cuối năm |
|--|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| - Thuế Giá trị gia tăng | 5.924.822.914 | 185.948.101.895 | 158.157.932.872 | 33.714.991.937 |
| - Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 47.912.838.989 | 903.542.871.582 | 912.921.910.724 | 38.533.799.847 |
| - Thuế Tiêu thụ đặc biệt (*) | 13.471.355.144 | 488.000.728.156 | 479.663.800.717 | 21.808.282.583 |
| - Thuế Xuất, Nhập khẩu (*) | - | 17.344.252.496 | 17.337.577.395 | 6.675.101 |
| - Thuế Thu nhập doanh nghiệp | (18.394.321.123) | 27.940.054.290 | 17.999.586.541 | (8.453.853.374) |
| - Thuế Thu nhập cá nhân | 468.534.181 | 4.467.778.968 | 4.857.633.130 | 78.680.019 |
| - Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | (6.757.002) | 38.055.744.674 | 39.771.158.664 | (1.722.170.992) |
| - Thuế bảo vệ môi trường | 152.920.487.834 | 1.808.908.413.119 | 1.781.365.278.230 | 180.463.622.723 |
| Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; | | | | |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 53.400.000 | 56.292.732.838 | 56.282.457.838 | 63.675.000 |
| Cộng | 202.350.360.937 | 3.530.500.678.018 | 3.468.357.336.111 | 264.493.702.844 |

Trong đó:

| | | |
|-------------------|------------------|------------------|
| - Thuế phải nộp | 225.784.059.748 | 278.294.265.348 |
| Thuế nộp thừa | (23.433.698.811) | (13.800.562.504) |
| (Tham chiếu V.10) | | |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- (*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : *Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng (trước ngày 01/07/2025)*
- * *Không kê khai thuế* : *Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp GCN kiểm định; phí sử dụng đường bộ*
- * *5%* : *Nước sinh hoạt*
- * *8% và 10%* : *Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...*

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * *8%* : *Xăng E5 Ron 92*
- * *10%* : *các loại xăng khác*
- * *20%* : *hoạt động kinh doanh Gôn*

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Nghị định sau:

- Nghị định 126/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022-2027.
- Nghị định 125/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 và Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 (có hiệu lực từ ngày 01/08/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2024).

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí lãi vay | 6.212.124.530 | 4.084.619.349 |
| - Phí thuê kho tại CN Hải Phòng | 1.616.017.115 | 1.446.878.635 |
| - Chi phí tiền thưởng cho đội tàu | - | 1.042.473.300 |
| - Phí môi giới | 413.364.184 | 413.364.184 |
| - Chi phí khác | 406.422.774 | 302.992.725 |
| Cộng | 8.647.928.603 | 7.290.328.193 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|------------------------|
| - Kinh phí công đoàn | 206.497.246 | 443.340.046 |
| - Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics | 32.600.000.000 | - |
| - Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát | 6.454.700.000 | 8.143.375.000 |
| - Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương | 1.377.880.800 | 1.377.880.800 |
| - Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (Tổng Công ty) | 151.363.120 | 128.944.640 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 978.842.097 | 628.867.097 |
| - Phải trả Upas LC tại các Ngân hàng TMCP | - | 303.535.199.560 |
| - Các khoản phải trả khác | 1.219.605.497 | 1.739.669.967 |
| Cộng | 42.988.888.760 | 315.997.277.110 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số đầu năm | Vay trong năm | Trả nợ vay trong năm | Phân loại nợ đến hạn | Số cuối năm |
|---|-------------------|-------------------|----------------------|----------------------|-------------------|
| 25.1 Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương | 692.503.974.217 | 5.530.735.738.858 | (5.338.792.436.212) | - | 884.447.276.863 |
| 25.2 Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Bình Dương | 50.000.000.000 | - | (50.000.000.000) | - | - |
| 25.3 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương | - | 286.795.353.997 | (186.795.353.997) | - | 100.000.000.000 |
| 25.4 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương | 1.127.571.799.090 | 5.637.748.255.338 | (5.213.599.957.122) | - | 1.551.720.097.306 |
| 25.5 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở HCM | - | 653.769.912.580 | (653.769.912.580) | - | - |
| 25.6 Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN Quận 10 | 595.432.097.572 | 1.547.888.400.597 | (1.447.025.200.525) | - | 696.295.297.644 |
| 25.7 Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB) – CN TPHCM | 21.018.282.788 | 743.243.063.299 | (764.261.346.087) | - | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

| | Số đầu năm | Vay trong năm | Trả nợ vay trong năm | Phân loại nợ đến hạn | Số cuối năm | |
|-------|---|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------|--------------------------|
| 25.8 | Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Sài Gòn | 495.616.763.874 | 1.824.367.795.909 | (1.928.018.334.014) | - | 391.966.225.769 |
| 25.9 | The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh | 147.713.763.578 | 974.242.816.270 | (1.036.094.813.989) | - | 85.861.765.859 |
| 25.10 | Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương | - | 765.911.942.627 | (665.910.626.694) | - | 100.001.315.933 |
| 25.11 | Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn | - | 570.366.210.838 | (375.156.756.872) | - | 195.209.453.966 |
| 25.12 | Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) - CN TP HCM | 182.467.060.446 | 1.806.356.001.544 | (1.988.823.061.990) | - | - |
| 25.13 | Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN TT KD DN lớn HCM | 358.317.341.228 | 1.013.265.742.930 | (1.231.161.818.981) | - | 140.421.265.177 |
| 25.14 | Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam | 206.349.955.719 | 2.049.265.905.934 | (1.282.212.557.632) | - | 973.403.304.021 |
| 25.15 | Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương (Nợ dài hạn đến hạn trả) | 1.604.400.000 | - | (1.604.400.000) | 1.602.400.000 | 1.602.400.000 |
| | Cộng | 3.878.595.438.512 | 23.403.957.140.721 | (22.163.226.576.695) | 1.602.400.000 | 5.120.928.402.538 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS03/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 14/02/2025, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS04/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 26/8/2025, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/01/2026
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 106B23 –XDBD ngày 31/10/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/10/2024)
- Mục đích vay : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo chương trình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng bán buôn năm 2023 là 5,5%/ năm (áp dụng đến hết ngày 31/3/2024)
- Số dư cuối năm : 0 Đồng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800LAV240115010 ngày 20/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 19/12/2025
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh và mở L/C phục vụ kinh doanh mặt hàng xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/83406/HĐTD ngày 10/9/2025 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng gồm cả Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, thầu chi phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

Hợp đồng tín dụng số 02/2025/83406/HĐTD ngày 31/12/2025 với các nội dung sau:

- Số tiền vay : 53.191.687.446 Đồng
- Mục đích vay : Nộp thuế Nhập khẩu, TTĐB, GTGT
- Thời hạn vay : 90 ngày
- Lãi suất : 6,5%/năm
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Hội sở TP HCM

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4365-01 ngày 20/01/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, thanh toán các loại thuế (trừ thuế TNDN), bảo lãnh thanh toán cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành L/C phục vụ hoạt động nhập khẩu, mua trong nước xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10

Theo Hợp đồng tín dụng số 1046166.25 ngày 14/5/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh toán các loại thuế/ phí liên quan đến nhập khẩu/ kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2025/HĐTD ngày 11/02/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu (bao gồm thanh toán các khoản thuế liên quan đến kinh doanh xăng dầu)
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0020/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 27/8/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày 27/8/2025 đến ngày 27/8/2026
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023; Thư gia hạn ngày 29/11/2024 và Thư gia hạn ngày 28/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 28/11/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 307/2025/HDTD/BDG ngày 17/12/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 351878.25.120.969666.TD ngày 20/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 05/11/2026
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh nghiệp lớn HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12217/25MN/HĐTĐ ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.14 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở miền Nam

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024 và phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL01 ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (từ ngày 27/6/2025 đến hết ngày 27/6/2026)
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thẻ chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.15 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản nợ vay **Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương** đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.31.2) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

| | Số đầu năm | Phân loại Nợ đến hạn | Trả nợ vay trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------------------|----------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|
| - HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác | 800.400.000 | 798.400.000 | (800.400.000) | 798.400.000 |
| - HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác | 804.000.000 | 804.000.000 | (804.000.000) | 804.000.000 |
| Cộng | 1.604.400.000 | 1.602.400.000 | (1.604.400.000) | 1.602.400.000 |

26. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Số đầu năm | 47.454.734.683 | 47.529.808.300 |
| - Bổ sung từ lợi nhuận | 16.774.817.530 | 18.991.023.935 |
| - Tăng khác | - | 63.006.620 |
| - Chi trong năm | (14.740.709.605) | (19.129.104.172) |
| - Số cuối năm | 49.488.842.608 | 47.454.734.683 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

27. Quỹ bình ổn giá

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Tăng trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| - Quỹ bình ổn giá | 384.328.214.236 | - | 384.328.214.236 |
| - Lãi quỹ bình ổn giá | 6.529.981.072 | 782.433.309 | 7.312.414.381 |
| Cộng | 390.858.195.308 | 782.433.309 | 391.640.628.617 |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 28. Phải trả người bán dài hạn | 22.024.200.000 | 22.024.200.000 |

Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.

29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Số đầu năm | 231.504.745.859 | 243.656.990.867 |
| - Doanh thu đã thực hiện trong năm | (12.152.244.843) | (12.152.245.008) |
| - Số cuối năm | 219.352.501.016 | 231.504.745.859 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

30. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH ScanCom Việt Nam | 5.327.098.920 | 5.160.279.960 |
| - Công ty TNHH Dong-A Vina | 4.020.329.586 | 3.894.432.318 |
| - Công ty CP Dầu nhờn S.T.S | 2.303.083.280 | 2.303.083.280 |
| - Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương | - | 2.159.161.704 |
| - Công ty CP Vacxin Việt Nam - CN Bình Dương | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| - Công ty TNHH ELTETE (Việt Nam) | 1.180.769.327 | 1.180.769.327 |
| - Công ty TNHH Interchina Management Việt Nam | 1.192.472.518 | 1.155.130.049 |
| - Các đối tượng khác | 5.301.750.423 | 5.959.756.404 |
| Cộng | 20.525.504.054 | 23.012.613.042 |

31. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số đầu năm | Trả nợ vay trong năm | Phân loại Nợ đến hạn | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|
| 31.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải VN | 15.900.000.000 | (10.600.000.000) | - | 5.300.000.000 |
| 31.2 Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương | 24.339.463.000 | (3.314.280.000) | (1.602.400.000) | 19.422.783.000 |
| Cộng | 40.239.463.000 | (13.914.280.000) | (1.602.400.000) | 24.722.783.000 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

31.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/07/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **53.000.000.000 Đồng**
 - Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
 - Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
 - Dư nợ 31/12/2025 : **5.300.000.000 Đồng**
- Trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng : 5.300.000.000 Đồng*

31.2 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTĐ) sau:

| | Số đầu năm | Trả nợ vay trong năm | Chuyển Nợ đến hạn | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|
| - HĐĐĐ số 02/2024 cải tạo NM XLNT Sóng Thần 1 | 21.819.063.000 | (3.314.280.000) | - | 18.504.783.000 |
| - HĐĐĐ số 04/2021 mua 2 xe ép rác (*) | 798.400.000 | - | (798.400.000) | - |
| - HĐĐĐ số 01/2023 mua 1 xe ép rác (*) | 1.722.000.000 | - | (804.000.000) | 918.000.000 |
| Cộng | 24.339.463.000 | (3.314.280.000) | (1.602.400.000) | 19.422.783.000 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Một số điều khoản của các Hợp đồng tín dụng như sau:

* Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/05/2024 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 16-2025/HĐSĐBS-QBVMТ ngày 24/12/2025 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **23.079.393.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
- Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
- Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Số dư cuối năm : **18.504.783.000 Đồng**
trong đó Nợ đến hạn trong vòng 12 tháng là **3.314.280.000 Đồng**.

* Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : **798.400.000 Đồng**,
trong đó Nợ đến hạn trả là **798.400.000 Đồng**.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

* Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 08/02/2023:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 1 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : **804.000.000 Đồng**,
trong đó Nợ đến hạn trả là **804.000.000 Đồng**.

(*) Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32. Vốn chủ sở hữu (CSH)

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| A Năm trước | | | | |
| 32.1 Vốn góp của CSH | 2.366.000.000.000 | - | - | 2.366.000.000.000 |
| 32.2 Cổ phiếu quỹ | (243.800.000) | - | - | (243.800.000) |
| 32.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản | (25.242.423.594) | - | - | (25.242.423.594) |
| 32.4 Quỹ đầu tư phát triển | 15.757.298.185 | 16.773.235.044 | - | 32.530.533.229 |
| 32.5 Lợi nhuận sau thuế CPP | 66.312.485.658 | 46.986.316.245 | (111.273.676.053) | 2.025.125.850 |
| 32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 223.993.499.244 | 147.754.418.107 | (8.458.576.408) | 363.289.340.943 |
| Cộng | 2.646.577.059.493 | 211.513.969.396 | (119.732.252.461) | 2.738.358.776.428 |
| B Năm nay | | | | |
| 32.1 Vốn góp của CSH | 2.366.000.000.000 | - | - | 2.366.000.000.000 |
| 32.2 Cổ phiếu quỹ | (243.800.000) | - | - | (243.800.000) |
| 32.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản | (25.242.423.594) | - | - | (25.242.423.594) |
| 32.4 Quỹ đầu tư phát triển | 32.530.533.229 | 8.610.133.737 | - | 41.140.666.966 |
| 32.5 Lợi nhuận sau thuế CPP | 2.025.125.850 | 133.031.775.299 | (63.017.737.986) | 72.039.163.163 |
| 32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 363.289.340.943 | 11.688.808.615 | (7.099.800.138) | 367.878.349.420 |
| Cộng | 2.738.358.776.428 | 153.330.717.651 | (70.117.538.124) | 2.821.571.955.955 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32.1 Vốn góp của chủ sở hữu

| | | |
|---|-------------|----------|
| - Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 | Đồng/CP |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 236.600.000 | Cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 236.600.000 | Cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | (20.100) | Cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 236.579.900 | Cổ phiếu |
| - Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm | 236.579.900 | Cổ phiếu |

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

| Cổ đông | Số cuối năm (cổ phiếu) | Tỷ lệ (%) | Số đầu năm (cổ phiếu) | Tỷ lệ (%) |
|--------------------------|---------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
| - Ủy ban Nhân dân TP HCM | 85.176.000 | 36,00% | 85.176.000 | 36,00% |
| - Các cổ đông khác | 151.424.000 | 64,00% | 151.424.000 | 64,00% |
| Cộng | 236.600.000 | 100,00% | 236.600.000 | 100,00% |

32.2 Cổ phiếu quỹ

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

32.3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chi tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | 17.738.905.964 | 17.738.905.964 |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | 515.380.782 | 515.380.782 |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | 6.988.136.848 | 6.988.136.848 |
| Cộng | 25.242.423.594 | 25.242.423.594 |

32.4 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận, chi tiết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Số đầu năm | 32.530.533.229 | 15.757.298.185 |
| - Trích trong năm | 8.610.133.737 | 16.773.235.044 |
| - Số cuối năm | 41.140.666.966 | 32.530.533.229 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|------------------|
| - Số đầu năm | 2.025.125.850 | 66.312.485.658 |
| - Điều chỉnh lợi nhuận CPP năm trước | (2.553.661.334) | (1.969.675.769) |
| - Phân phối lợi nhuận của năm trước | (49.137.479.747) | (99.709.586.669) |
| + Trích Quỹ Đầu tư phát triển | (4.913.521.922) | (14.358.921.851) |
| + Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | (7.370.282.883) | (9.572.614.568) |
| + Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành | (1.130.110.042) | (2.201.701.350) |
| + Chia cổ tức | (35.723.564.900) | (73.576.348.900) |
| - Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay | (49.666.015.231) | (35.366.776.780) |
| - Lợi nhuận sau thuế năm nay | 133.031.775.299 | 46.986.316.245 |
| - Phân phối lợi nhuận năm nay | (11.326.596.905) | (9.594.413.615) |
| + Trích Quỹ Đầu tư phát triển | (3.696.611.815) | (2.414.313.193) |
| + Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | (7.629.985.090) | (6.804.353.620) |
| + Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành | - | (375.746.802) |
| - Lợi nhuận CPP năm nay | 121.705.178.394 | 37.391.902.630 |
| - Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau | 72.039.163.163 | 2.025.125.850 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

| Chỉ tiêu | Vốn góp của CSH | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|----------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| A Năm trước | | | | |
| - Số đầu năm | 225.152.294.800 | 75.306.394 | (1.234.101.950) | 223.993.499.244 |
| - Tăng vốn trong năm | 134.448.205.200 | - | - | 134.448.205.200 |
| - Lãi, lỗ trong năm | - | - | 13.306.212.907 | 13.306.212.907 |
| - Chia cổ tức | - | - | (8.421.968.812) | (8.421.968.812) |
| - Trích quỹ | - | 1.750.449.948 | (1.787.057.544) | (36.607.596) |
| - Số cuối năm | 359.600.500.000 | 1.825.756.342 | 1.863.084.601 | 363.289.340.943 |
| B Năm nay | | | | |
| - Số đầu năm | 359.600.500.000 | 1.825.756.342 | 1.863.084.601 | 363.289.340.943 |
| - Lãi, lỗ trong năm | - | - | 11.688.808.615 | 11.688.808.615 |
| - Chia cổ tức | - | - | (6.454.700.000) | (6.454.700.000) |
| - Trích quỹ | - | 2.680.155.159 | (3.325.255.297) | (645.100.138) |
| - Số cuối năm | 359.600.500.000 | 4.505.911.501 | 3.771.937.919 | 367.878.349.420 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2025

| | DVT: Đồng | |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| 33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 20.112.070.471.079 | 19.140.341.204.948 |
| - Doanh thu bán các thành phẩm | 859.511.262.070 | 562.863.776.070 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 321.390.501.834 | 397.134.802.253 |
| - Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS | 172.030.314.384 | 168.476.502.822 |
| - Doanh thu khác | 3.994.736.026 | 2.900.043.258 |
| Cộng Doanh thu thuần | 21.468.997.285.393 | 20.271.716.329.351 |
| 34. Giá vốn hàng bán | | |
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | 19.414.411.025.787 | 18.597.510.336.914 |
| - Giá vốn của thành phẩm đã bán | 851.248.179.329 | 566.800.074.276 |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 207.981.481.164 | 276.299.574.962 |
| - Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS | 75.097.926.920 | 37.908.781.172 |
| Cộng | 20.548.738.613.200 | 19.478.518.767.324 |
| 35. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 36.348.682.147 | 16.673.278.840 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 21.233.892.162 | 39.335.747.486 |
| - Chiết khấu thanh toán | 118.810.010 | 1.778.075.881 |
| Cộng | 57.701.384.319 | 57.787.102.207 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

36. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí lãi vay | 242.085.792.550 | 207.336.698.518 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá | 42.357.287.358 | 63.126.073.913 |
| Cộng | 284.443.079.908 | 270.462.772.431 |

37. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | 30.630.263.734 | 15.873.835.635 |
| - Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương | 10.825.312.617 | 7.613.848.300 |
| Cộng | 41.455.576.351 | 23.487.683.935 |

38. Chi phí bán hàng

| | | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên bán hàng | 84.816.693.857 | 79.114.156.526 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 3.931.230.468 | 2.034.469.730 |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.439.088.525 | 1.705.729.374 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 40.838.538.813 | 40.321.742.547 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 74.744.723.130 | 189.000.654.656 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 155.869.970.088 | 123.059.120.580 |
| Cộng | 361.640.244.881 | 435.235.873.413 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên quản lý | 52.573.934.935 | 47.891.520.251 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 805.128.817 | 857.964.807 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.641.366.999 | 585.480.751 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 7.335.509.242 | 7.080.562.847 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 500.098.654 | 214.473.196 |
| - Chi phí dự phòng | 2.062.913.394 | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 20.399.485.082 | 18.842.128.007 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 24.798.333.503 | 31.952.973.309 |
| Cộng | 110.116.770.626 | 107.425.103.168 |

40. Thu nhập khác

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ | 3.955.723.905 | 66.076.582.879 |
| - Thu bồi thường di dời | 12.665.949.690 | - |
| - Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng | 710.192.517 | 749.403.688 |
| - Thu tiền điện, nước khách thuê, Thu nhập khác | 4.758.408.247 | 5.613.965.643 |
| Cộng | 22.090.274.359 | 72.439.952.210 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

41. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|-----------------------|
| - Chi phí thanh lý tài sản cố định | 2.899.753.343 | 56.891.264.237 |
| - Các khoản tiền phạt | 1.485.020.537 | 887.207.971 |
| - Chi phí phân bổ giá trị lợi thế thương mại | 102.472.193.907 | - |
| - Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác | 5.788.205.816 | 3.212.260.657 |
| Cộng | 112.645.173.603 | 60.990.732.865 |

42. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

| | | |
|--|------------------|------------------|
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 172.660.638.204 | 72.797.818.502 |
| - Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế | 115.132.111.178 | 118.067.719.923 |
| - Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế | (74.448.211.344) | (58.935.288.753) |
| - Chuyển lỗ SXKD của các năm trước | (73.775.832.393) | (69.403.802.919) |
| - Tổng Thu nhập tính thuế | 139.568.705.645 | 62.526.446.753 |
| - Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành | 27.913.741.129 | 12.505.289.350 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | 26.313.161 | - |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành | 27.940.054.290 | 12.505.289.350 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

43. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

Lợi nhuận sau thuế của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | 1.084.084.834 | 1.220.253.160 |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | (1.017.805.648) | (204.522.961) |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | 10.720.620.637 | 8.752.249.741 |
| - Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | 901.908.792 | 3.538.232.967 |
| Cộng | 11.688.808.615 | 13.306.212.907 |

44. Lãi trên cổ phiếu

| | | |
|--|------------------|-----------------|
| - Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ | 133.031.775.299 | 46.986.316.245 |
| - Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | (16.103.088.435) | (8.500.392.925) |
| - Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông | 116.928.686.864 | 38.485.923.320 |
| - Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 236.579.900 | 236.579.900 |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 494 | 163 |
| - Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 494 | 163 |

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong niên độ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Liên quan đến khoản chi phí phân bổ là giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (Thuyết minh V.18), trên cơ sở các văn bản pháp luật liên quan ban hành trong năm 2025:

- + Thông tư số 83/2025/TT-BTC ngày 15/08/2025, về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước, của Bộ trưởng Bộ Tài chính. *Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025.*
- + Công văn số 6705/UBCK-GSDC ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước liên quan đến Báo cáo tài chính 2024 chưa phân bổ khoản mục chi phí trả trước dài hạn về lợi thế thương mại bổ sung cho năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc - Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước nhằm thực hiện phân bổ khoản chi phí này trong thời hạn 3 năm từ 2023 đến 2025. Do đó một số chỉ tiêu của năm trước và số đầu năm đã được điều chỉnh, trình bày lại trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025, cụ thể như sau:

| Mã số | Chỉ tiêu | Số liệu 31/12/2024 trước điều chỉnh | Điều chỉnh hồi tố | Số liệu sau điều chỉnh |
|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|------------------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | | | | |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 6.043.911.827.548 | 22.542.511.353 | 6.066.454.338.901 |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | 85.244.048.874 | 22.542.511.353 | 107.786.560.227 |
| 153 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà | 891.187.458 | 22.542.511.353 | 23.433.698.811 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | 3.016.921.691.001 | (128.090.242.384) | 2.888.831.448.617 |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | 252.124.976.076 | (128.090.242.384) | 124.034.733.692 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 252.124.976.076 | (128.090.242.384) | 124.034.733.692 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 9.060.833.518.549 | (105.547.731.031) | 8.955.285.787.518 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

| Mã số | Chi tiêu | Số liệu 31/12/2024 trước điều chỉnh | Điều chỉnh hồi tố | Số liệu sau điều chỉnh |
|-------|--|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 2.843.906.507.459 | (105.547.731.031) | 2.738.358.776.428 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | 2.843.906.507.459 | (105.547.731.031) | 2.738.358.776.428 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNST CPP) | 107.572.856.881 | (105.547.731.031) | 2.025.125.850 |
| 421a | LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước | 44.562.905.774 | (79.929.682.554) | (35.366.776.780) |
| 421b | LNST chưa phân phối kỳ này | 63.009.951.107 | (25.618.048.477) | 37.391.902.630 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 9.060.833.518.549 | (105.547.731.031) | 8.955.285.787.518 |

| Mã số | Chi tiêu | Số liệu năm 2024 trước điều chỉnh | Điều chỉnh hồi tố | Số liệu sau điều chỉnh |
|--|--|-----------------------------------|-------------------|------------------------|
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | | | | |
| 25 | Chi phí bán hàng | 409.617.824.936 | 25.618.048.477 | 435.235.873.413 |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 86.966.647.634 | (25.618.048.477) | 61.348.599.157 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 98.415.866.979 | (25.618.048.477) | 72.797.818.502 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | 85.910.577.629 | (25.618.048.477) | 60.292.529.152 |

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố chi phí phân bổ đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 và 2024 như sau:

| Chi tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN (trước hồi tố) | 120.974.167.970 | 85.910.577.629 |
| - Ảnh hưởng hồi tố | (79.929.682.554) | (25.618.048.477) |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN (sau hồi tố) | 41.044.485.416 | 60.292.529.152 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

2. Thông tin về các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---------------------------------|
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | Công ty con |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | Công ty con |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | Công ty con |
| - Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D | Công ty con |
| - Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics | Công ty con |
| - Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương | Công ty liên doanh liên kết |
| - Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | Công ty liên doanh liên kết |
| - Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S | Công ty có cùng thành viên HĐQT |

Giao dịch với các bên liên quan

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|------------------|
| - Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng | 4.912.230.772 | 4.795.192.309 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| Bên liên quan | Số đầu năm | Phải thu trong năm | Đã thu / giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*] | 201.727.315.063 | 2.804.758.813.244 | 2.700.764.524.055 | 305.721.604.252 |
| Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*] | (23.770.187.160) | 58.179.237.181 | 70.537.677.272 | (36.128.627.251) |
| Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*] | 7.116.450 | 108.683.550 | 115.800.000 | - |
| Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*] | - | 4.898.000 | 4.898.000 | - |
| Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*] | - | 7.349.674.808 | 7.349.674.808 | - |
| Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*] | - | 1.323.297.000 | 1.323.297.000 | - |
| Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | 5.971.821.000 | 170.994.695.615 | 167.865.608.615 | 9.100.908.000 |
| Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | - | 400.000 | 400.000 | - |
| Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S | 1.482.546.466 | 98.315.793.979 | 99.798.340.445 | - |
| Cộng | 185.418.611.819 | 3.141.035.493.377 | 3.047.760.220.195 | 278.693.885.001 |

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

| Bên liên quan | Số đầu năm | Phải thu trong năm | Đã thu / giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*] | 9.961.780.345 | 7.930.476.917 | 10.229.349.305 | 7.662.907.957 |
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*] | 4.800.000.000 | 1.549.193.529.235 | 1.550.392.900.000 | 3.600.629.235 |
| - Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*] | 7.033.670.043 | 6.457.028.794 | 7.033.670.043 | 6.457.028.794 |
| - Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*] | - | 36.804.200 | 36.804.200 | - |
| - Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*] | - | 48.900.000.000 | - | 48.900.000.000 |
| - Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S | - | 462.047.213.743 | 446.871.283.743 | 15.175.930.000 |
| - Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | - | 3.743.327.000 | 3.743.327.000 | - |
| - Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | - | 11.250.000.000 | 11.250.000.000 | - |
| Cộng | 21.795.450.388 | 2.089.558.379.889 | 2.029.557.334.291 | 81.796.495.986 |

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác

| Bên liên quan | Số đầu năm | Phải trả trong năm | Đã trả / giảm trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|---------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*] | 4.736.710.174 | 234.139.782.997 | 234.651.319.612 | 4.225.173.559 |
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*] | - | 260.000.000 | 260.000.000 | - |
| - Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*] | 22.822.000 | 128.184.000 | 151.006.000 | - |
| - Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D [*] | 7.000.000.000 | - | - | 7.000.000.000 |
| - Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S | - | 16.007.890.000 | 15.523.250.000 | 484.640.000 |
| Cộng | 11.759.532.174 | 250.535.856.997 | 250.585.575.612 | 11.709.813.559 |

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thông tin về báo cáo bộ phận**❖ Theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ Theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Năm nay:

| Năm nay | Hoạt động kinh doanh xăng dầu | Hoạt động kinh doanh bất động sản | Đầu tư tài chính và hoạt động khác | Tổng cộng |
|--|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|
| - Doanh thu thuần | 20.966.810.586.981 | 168.397.565.844 | 333.789.132.568 | 21.468.997.285.393 |
| - Giá vốn hàng bán | (20.262.991.597.167) | (74.843.260.150) | (210.903.755.883) | (20.548.738.613.200) |
| - Lợi nhuận gộp | 703.818.989.814 | 93.554.305.694 | 122.885.376.685 | 920.258.672.193 |
| - Doanh thu HĐ tài chính | 18.306.939 | - | 57.683.077.380 | 57.701.384.319 |
| - Chi phí tài chính | (187.247.910.660) | (25.438.588.111) | (71.756.581.137) | (284.443.079.908) |
| - Phần lãi, lỗ trong LDLK | - | - | 41.455.576.351 | 41.455.576.351 |
| - Chi phí bán hàng | (304.191.720.830) | (30.063.933.262) | (27.384.590.789) | (361.640.244.881) |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | (66.076.797.379) | (8.396.393.358) | (35.643.579.889) | (110.116.770.626) |
| - Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | 146.320.867.884 | 29.655.390.963 | 87.239.278.601 | 263.215.537.448 |
| - Thu nhập khác | 236.367.702 | - | 21.853.906.657 | 22.090.274.359 |
| - Chi phí khác | (84.481.229.779) | (11.449.190.581) | (16.714.753.243) | (112.645.173.603) |
| - Lợi nhuận khác | (84.244.862.077) | (11.449.190.581) | 5.139.153.414 | (90.554.899.244) |
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 62.076.005.807 | 18.206.200.382 | 92.378.432.015 | 172.660.638.204 |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành | (11.875.799.509) | (5.249.418.930) | (10.814.835.851) | (27.940.054.290) |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN | 50.200.206.298 | 12.956.781.452 | 81.563.596.164 | 144.720.583.914 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Năm trước:

| Năm trước | Hoạt động kinh doanh xăng dầu | Hoạt động kinh doanh bất động sản | Đầu tư tài chính và hoạt động khác | Tổng cộng |
|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| - Doanh thu thuần | 19.698.211.211.761 | 165.265.571.642 | 408.239.545.948 | 20.271.716.329.351 |
| - Giá vốn hàng bán | (19.160.705.448.465) | (37.504.054.345) | (280.309.264.514) | (19.478.518.767.324) |
| - Lợi nhuận gộp | 537.505.763.296 | 127.761.517.297 | 127.930.281.434 | 793.197.562.027 |
| - Doanh thu HĐ tài chính | 16.436.753 | - | 57.770.665.454 | 57.787.102.207 |
| - Chi phí tài chính | (157.900.796.837) | (38.295.384.045) | (74.266.591.549) | (270.462.772.431) |
| - Phần lãi, lỗ trong LDLK | - | - | 23.487.683.935 | 23.487.683.935 |
| - Chi phí bán hàng | (277.697.432.082) | (125.222.591.675) | (32.315.849.656) | (435.235.873.413) |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | (60.434.974.050) | (13.801.749.354) | (33.188.379.764) | (107.425.103.168) |
| - Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | 41.488.997.080 | (49.558.207.777) | 69.417.809.854 | 61.348.599.157 |
| - Thu nhập khác | 124.117 | - | 72.439.828.093 | 72.439.952.210 |
| - Chi phí khác | (12.855.808) | - | (60.977.877.057) | (60.990.732.865) |
| - Lợi nhuận khác | (12.731.691) | - | 11.461.951.036 | 11.449.219.345 |
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 41.476.265.389 | (49.558.207.777) | 80.879.760.890 | 72.797.818.502 |
| - Thuế TNDN hiện hành | (1.536.030.402) | - | (10.969.258.948) | (12.505.289.350) |
| - Lợi nhuận sau thuế TNDN | 39.940.234.987 | (49.558.207.777) | 69.910.501.942 | 60.292.529.152 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

4. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành có hiệu lực trong năm 2025 như sau:

- Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2025.**
- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025**
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ, quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của luật quản lý thuế ngày 13/06/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC, ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Thông tư này thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trần Ngọc Đan Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Băng Trang

